

Số: 1320/CBTT-CNTĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**
 - Mã chứng khoán: **TDW**
 - Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, P. Bình Thới, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại: 19001012
 - E-mail: idsctnd@gmail.com
- Nội dung thông tin công bố
 - Sửa đổi, bổ sung nội dung Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Sau khi xem xét và rà soát các nội dung trình Đại hội, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức thống nhất trình Quý cổ đông nội dung điều chỉnh, bổ sung tại Phần V – Tờ trình các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Phần VI - Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và một số nội dung khác có liên quan (đính kèm Tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 sửa đổi, bổ sung).
 - Danh sách lý lịch (tóm tắt) của ứng cử viên vào HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/04/2025 tại đường dẫn: www.thuducwater.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Tài liệu ĐHĐCĐ 2025 sửa đổi bổ sung;
- Danh sách lý lịch (tóm tắt).

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Minh

TÀI LIỆU
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

THUĐUC
WATER

Thành phố Thủ Đức, tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

Nội dung chương trình	3
Quy chế tổ chức Đại hội.	4
PHẦN I. BÁO CÁO CỦA BGĐ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024.....	14
I. Kết quả hoạt động năm 2024.....	14
1. Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty	14
2. Tổ chức, nhân sự.....	14
3. Kết quả sản xuất kinh doanh.....	17
4. Những tiến bộ đã đạt được.....	19
II. Kết quả hoạt động tài chính, BCTC năm 2024 kiểm toán.....	20
1. Kết quả hoạt động tài chính.....	20
2. Tình hình tài sản	20
3. Tình hình nợ phải trả	20
4. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	21
5. Ý kiến của đơn vị kiểm toán về BCTC năm 2024	21
PHẦN II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025.....	22
I. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch	22
II. Các chỉ tiêu về SXKD; chỉ tiêu tài chính chủ yếu	22
III. Biện pháp thực hiện.....	23
PHẦN III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
I. Tình hình quản trị Công ty	26
1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	26
2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BDH	30
3. Những thay đổi trong HĐQT, BKS, BDH	32
4. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	32
II. Kết quả giám sát đối với Giám đốc và Người điều hành khác	33
1. Công tác quản lý, giám sát của HĐQT	33
2. Đánh giá hoạt động của Công ty	33
3. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc	34
III. Định hướng hoạt động năm 2025	34
PHẦN VI. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	36
A. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024	36

I. Hoạt động của Ban kiểm soát.....	36
1. Cơ cấu tổ chức	36
2. Hoạt động của Ban kiểm soát	36
3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát	37
4. Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát	38
II. Kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ	38
III. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.....	40
1. Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024.....	40
2. Thẩm định báo cáo tài chính.....	44
IV. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, BGĐ năm 2024	44
1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của BGĐ	44
2. Sự phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT và BGĐ	44
V. Nhận xét và kiến nghị	45
VI. Kế hoạch hoạt động năm 2025	46
B. Đề xuất danh sách công ty kiểm toán BCTC năm 2025	48
PHẦN V. TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	49
1. Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán, Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2024	49
2. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý năm 2024	50
3. Kế hoạch SXKD; Kế hoạch tài chính và Quỹ tiền lương của NQL, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025	50
4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025	51
5. Hợp đồng giao dịch năm 2024, 2025 với Người có liên quan	51
6. Tạm ứng cổ tức năm 2025	52
PHẦN VI. MIỄN NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT, BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT NK 2022 - 2027	53
I. Miễn nhiệm thành viên HĐQT.....	53
II. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT (thành viên độc lập).....	53
III. Thông tin liên quan đến ứng viên mới thay thế thành viên miễn nhiệm.....	56
IV. Quy chế bầu thành viên HĐQT	59
PHẦN VII. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ	62
BIỂU MẪU GIẤY ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ	68
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	71

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2025
(Tổ chức vào ngày 17 tháng 04 năm 2025)

Stt	Nội dung	Thời gian
I	ĐĂNG KÝ DỰ HỌP ĐHĐCĐ	08:30 – 9:00
1	Cổ đông đăng ký dự họp	
II	KHAI MẠC, BẦU CHỦ TỌA, THƯ KÝ ĐẠI HỘI	09:00 – 9:20
1	Kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự	
2	Khai mạc, giới thiệu Đại biểu	
3	Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban Kiểm phiếu; Ban thư ký	
4	Thông qua nội dung chương trình và Quy chế tổ chức đại hội	
III	NỘI DUNG CHÍNH	09:20 – 10:00
1	Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và kế hoạch SXKD năm 2025.	
2	Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2024; Định hướng hoạt động năm 2025.	
3	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2024; Định hướng hoạt động năm 2025; Đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.	
4	Tờ trình các nội dung: Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán; Phương án phân phối lợi nhuận; Quỹ tiền lương của NQL, Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024; Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và kế hoạch thù lao năm 2025; Hợp đồng giao dịch với người nội bộ; Lựa chọn công ty kiểm toán năm 2025; Tạm ứng cổ tức năm 2025; Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2022-2027.	
5	Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	
IV	BẦU BỔ SUNG TV. HĐQT & TV. HĐQT ĐỘC LẬP NHIỆM KỲ 2022 - 2027	10:00 – 10:10
	GIẢI LAO (20 phút)	10:10 – 10:30
V	THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI	10:30 – 10:40
VI	CÔNG BỐ KẾT QUẢ BỎ PHIẾU	10:40 – 10:50
VII	GIỚI THIỆU BIÊN BẢN/ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI	10:50 – 11:00
VIII	BẾ MẠC ĐẠI HỘI	11:00

QUY CHẾ

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Thực hiện kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và những quy định của Điều lệ hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Hội đồng quản trị công ty xây dựng Quy chế tổ chức và làm việc của Đại hội với những nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1.1. Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

1.2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là “Đại hội” hoặc “ĐHĐCĐ”), điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 3. Mục tiêu của Đại hội

Mục tiêu của Đại hội, như sau:

- Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các Cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- Tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;

Điều 4. Giải thích từ ngữ

4.1. Trong quy chế này, các từ, các cụm từ dưới đây được định nghĩa như sau:

- a) “Cổ đông” là cá nhân/tổ chức sở hữu cổ phần của Công ty và có tên trong danh sách chốt quyền tham dự Đại hội.
- b) “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

- c) “Cổ đông lớn” là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- d) “Bỏ phiếu điện tử” là việc Cổ đông thực hiện biểu quyết hoặc bầu cử theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử của Công ty (Do Công ty Cổ phần Bvote Việt Nam cung cấp) hoặc hệ thống bỏ phiếu điện tử của bên thứ ba do Công ty chỉ định.
- e) “Tài khoản” là tên đăng nhập và mật khẩu do Công ty cung cấp cho Cổ đông để tham gia, truy cập và bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử của Công ty. Tài khoản được cấp dựa trên thông tin nhận diện của bên tham gia đã được đăng ký tại Công ty.
- f) “Mật khẩu một lần (OTP)” là mật khẩu chỉ sử dụng một lần trong khoảng thời gian nhất định để xác thực Cổ đông khi Cổ đông thực hiện đăng nhập vào hệ thống để tham dự Đại hội và bỏ phiếu điện tử trên hệ thống Bvote.
- g) “Mật khẩu đăng nhập” là mật khẩu do Công ty cung cấp cho Cổ đông theo thư mời họp và/hoặc email cho Cổ đông. Cổ đông có thể dùng mật khẩu đăng nhập hoặc mã OTP để thực hiện đăng nhập vào hệ thống khi tham dự Đại hội và bỏ phiếu điện tử trên hệ thống Bvote.
- h) “Mã đăng nhập (ID) của cổ đông” là Số giấy chứng minh nhân dân; Số thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp; Mã số nhà đầu tư nước ngoài, hoặc các hình thức khác đã được đăng ký tại Công ty hoặc được đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).
- i) “QR Code” là mã code bằng hình ảnh, Cổ đông thực hiện quét mã để đăng nhập vào trang thông tin của Đại hội để đọc các thông tin về Đại hội hoặc biểu quyết các nội dung của Đại hội.
- j) Các từ ngữ, thuật ngữ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Thành phần tham dự Đại hội

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, ngày 14 tháng 03 năm 2025.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông

6.1. Quyền của các Cổ đông khi tham dự Đại hội

a) Tất cả các Cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

b) Trường hợp không thể tham dự Đại hội, Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.

c) Trường hợp Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội thì thực hiện theo quy định sau đây:

- Đối với Cổ đông là cá nhân, văn bản ủy quyền phải có chữ ký của Cổ đông và người được ủy quyền;
- Đối với Cổ đông là tổ chức, văn bản ủy quyền phải có chữ ký của người đứng đầu tổ chức/người đại diện theo pháp luật của tổ chức, đóng dấu của tổ chức, họ tên người ký và chữ ký của người được ủy quyền dự họp.

d) Toàn bộ Cổ đông tham dự Đại hội thực hiện biểu quyết thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử. Khi cổ đông tới tham dự Đại hội và hoàn thiện việc check in, Cổ đông sẽ được cấp Tài khoản và Mật khẩu để Cổ đông đăng nhập hệ thống và thực hiện biểu quyết các quyền của Cổ đông theo quy định của pháp luật.

6.2. Nghĩa vụ của các đại biểu tham dự Đại hội

- Trang phục của đại biểu đến tham dự Đại hội đảm bảo tính lịch sự, trang trọng;
- Tham gia đầy đủ cuộc họp Đại hội theo quy định của Công ty. Trường hợp không đi được thì phải thực hiện ủy quyền (ủy quyền bằng văn bản) cho người đại diện theo đúng quy định.
- Cổ đông hay đại diện cổ đông tới tham dự cuộc họp phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội;
- Tuân thủ các điều kiện và thể thức quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế làm việc tại Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

7.1. Chủ tọa Đại hội

Chủ tọa Đại hội là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội bầu, giữ vai trò là người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nơi chủ tọa chủ trì Đại hội được coi là địa điểm tổ chức Đại hội.

7.2. Chủ tọa Đại hội có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Điều khiển Đại hội thực hiện chương trình làm việc một cách hợp lệ, có trật tự.
- b) Khi có những sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội, Chủ tọa sẽ bàn bạc với những thành viên khác trong Ban tổ chức (trước khi Đại hội bắt đầu), hoặc Đoàn chủ tọa (trong quá trình diễn ra Đại hội) để tìm ra cách thức giải quyết. Tuy nhiên, trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, ý kiến nào có sự biểu quyết của Chủ tọa sẽ mang tính quyết định;

c) Có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa

8.1. Đoàn chủ tọa: Là thành viên Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty hoặc Cổ đông của Công ty và được các đại biểu tham dự Đại hội thông qua.

8.2. Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa

- Là cơ quan cao nhất điều hành các công việc tại Đại hội;
- Hướng dẫn và giải đáp các thắc mắc của Cổ đông về các vấn đề nêu ra trong nội dung chương trình Đại hội;
- Điều hành và chủ trì việc biểu quyết thông qua các vấn đề được nêu trong Đại hội theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

9.1. Thư ký Đại hội do Chủ tọa chỉ định, có nhiệm vụ hỗ trợ Chủ tọa ghi nhận và lập Biên bản, Nghị quyết của Đại hội;

9.2. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và đầy đủ đối với Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

9.3. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tọa phân công trong thời gian Đại hội tạm nghỉ.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Ban kiểm phiếu

10.1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Ban tổ chức Đại hội thành lập, có trách nhiệm:

- a) Lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội.
- b) Thu và kiểm tra các giấy mời họp, giấy ủy quyền tham dự Đại hội.
- c) Kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.
- d) Kiểm tra cổ đông đi dự có đầy đủ và đúng thành phần không.
- e) Lập báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông để báo cáo Đại hội.
- f) Phát tài liệu họp và phiếu biểu quyết cho các cổ đông trước khi vào hội trường.

10.2. Ban kiểm phiếu có 03 thành viên do Chủ tọa giới thiệu để Đại hội bầu trong số những Đại biểu tham dự Đại hội. Những người tham gia Ban kiểm phiếu không đồng thời là Thư ký Đại hội. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn thể lệ bầu cử, hướng dẫn cổ đông thực hiện biểu quyết trực tuyến, kiểm tra giám sát việc biểu quyết, tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội, sau đó nộp Biên bản cho Chủ tọa Đại hội.

10.3. Cổ đông tham dự Đại hội và bỏ phiếu điện tử được hệ thống ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc biểu quyết của từng nội dung hoặc ghi nhận kết quả bỏ phiếu tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu. Cổ đông chịu trách nhiệm về kết quả bỏ phiếu khi đã đăng nhập bằng ID và mã OTP mà Ban tổ chức Đại hội cung cấp.

10.4. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của kết quả kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 11. Điều kiện tiến hành Đại hội

11.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách cổ đông mời họp khi quyết định triệu tập Đại hội. Tỷ lệ này được tính trên số lượng cổ đông đại diện cho số cổ phần tham dự trực tiếp và ủy quyền.

11.2. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ tỷ lệ tiến hành thì Công ty thực hiện tổ chức Đại hội lần 2, lần 3 theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Cách thức tiến hành Đại hội

12.1. Đại hội dự kiến diễn ra trong ½ ngày.

12.2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình Đại hội đồng cổ đông theo chương trình Đại hội đã được cổ đông thông qua.

12.3. Trình tự tiến hành Đại hội (theo Chương trình Đại hội).

CHƯƠNG IV

THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP VÀ THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

13.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

13.2. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của đại hội đã được thông qua. Chủ tọa

Đại hội sẽ mời/đề nghị Cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký hoặc theo nội dự kiến phát biểu, đồng thời giải đáp các thắc mắc của Cổ đông.

13.3. Cách thức bỏ phiếu

a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

b) Cổ đông biểu quyết, bầu cử bằng cách Bỏ phiếu điện tử trên hệ thống **tdw.bvote.vn**

- Các Cổ đông khi đăng nhập vào hệ thống của Công ty thì được coi là Cổ đông trực tiếp tham dự và Cổ đông có nghĩa vụ bảo mật các thông tin đăng nhập, mật khẩu, mã OTP. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm khi Cổ đông để lộ các thông tin này.
- Cổ đông đăng nhập vào hệ thống bằng cách dùng tài khoản (bao gồm mã đăng nhập và mã mật khẩu) để đăng nhập và biểu quyết.
- Khi Cổ đông thực hiện biểu quyết điện tử thì tùy theo tiến trình của Đại hội, Cổ đông lựa chọn một trong các phương án biểu quyết như sau:
 - + Đối với các nội dung: Bầu đoàn chủ tọa; Bầu Ban kiểm phiếu; Thông qua quy chế Đại hội; Thông qua nội dung, chương trình Đại hội; Thông qua các báo cáo và tờ trình của Đại hội; Thông qua biên bản và nghị quyết Đại hội ... thì Cổ đông lựa chọn một trong ba phương án: “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến”.
 - + Đối với các nội dung liên quan bầu dồn phiếu, Cổ đông sẽ nhập vào số phiếu bầu cho mỗi ứng cử viên tương ứng hoặc bấm vào bầu đều để chia đều tổng số phiếu có thể bầu cho các ứng viên. (Tổng số phiếu có thể bầu = Tổng số cổ phần cổ đông nắm giữ hoặc đại diện nhân với Số thành viên được bầu).

❖ Lưu ý: Tổng số phiếu bầu nhập ở mỗi ô phải nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu có thể bầu.

- Trường hợp Cổ đông thay đổi số điện thoại cần liên hệ với ban quản lý cổ đông của Công ty để cập nhật số điện thoại mới.
- Trường hợp Cổ đông thay đổi thông tin cá nhân cần liên hệ với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/Thành viên Trung tâm lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản để cập nhật. Đối với Cổ đông chưa lưu ký cần liên hệ với Công ty để cập nhật.
- Tài liệu Đại hội được đăng tải trên website của Công ty. Cổ đông truy cập tại website: www.capnuocthuduc.vn chuyên mục “Quan hệ cổ đông > Thông tin cổ đông” hoặc hệ thống tại đại chỉ: **tdw.bvote.vn** hoặc quét mã QR code trên thư mời họp để nghiên cứu tài liệu Đại hội.
- Cổ đông tham dự Đại hội sau giờ khai mạc có quyền đăng ký tham gia và biểu quyết tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho Cổ

đồng đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

- Cổ đông chuẩn bị các điều kiện về thiết bị, kết nối để có thể truy cập và tham dự Đại hội theo chương trình, kế hoạch Đại hội đã được Công ty thông báo.

13.4. Cách thức kiểm phiếu

a) Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách truy cập vào hệ thống **tdw.bvote.vn**, sử dụng Tài Khoản và Mật khẩu đã được cấp tại Đại hội.

b) Khi Cổ đông thực hiện biểu quyết:

- Số phiếu bầu của mỗi ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống theo: số tán thành, số không tán thành và số không có ý kiến. Trong trường hợp phát sinh các nội dung ngoài chương trình Đại hội đã gửi cho Cổ đông, Cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nội dung nào cổ đông không tham gia biểu quyết thì số cổ phần biểu quyết của Cổ đông đó không được tính vào tổng số phiếu biểu quyết.
- Cổ đông **không** thể thay đổi kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử khi đã hoàn thành gửi kết quả lên hệ thống biểu quyết điện tử.

c) Tại thời điểm kết thúc biểu quyết, hệ thống biểu quyết điện tử của Công ty sẽ ghi nhận và hiển thị kết quả từng nội dung mà Cổ đông đã biểu quyết. Trường hợp Cổ đông thực hiện biểu quyết bằng phiếu giấy trực tiếp tại Đại hội thì Ban kiểm phiếu thực hiện sao chép kết quả biểu quyết của Cổ đông vào hệ thống.

13.5. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.

13.6. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng

Việc thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng tuân thủ quy định về công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan.

13.7. Công ty áp dụng tối đa các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để tạo điều kiện cho Cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết điện tử một cách thuận tiện nhất.

13.8. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

13.9. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

13.10. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

13.11. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

13.12. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc yêu cầu Cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi Đại hội.

13.13. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

13.14. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

13.15. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty được tổ chức họp và tuân theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V

THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI

Điều 14. Thông qua Quyết định của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

14.1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 14.2 Điều này, các quyết định của Đại hội về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các

cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội:

- a) Thông qua Báo cáo tài chính năm;
- b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- d) Các quyết định của Đại hội liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.

14.2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

14.3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 15. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

15.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

15.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

15.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

15.4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

15.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 16. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội không thành

16.1. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

16.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 16.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

CHƯƠNG VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

17.1. Quy chế gồm 6 Chương và 17 Điều, được Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội cổ đông thông qua và áp dụng cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

17.2. Quy chế có hiệu lực ngay khi được Đại hội biểu quyết thông qua.

17.3. Chủ tọa chịu trách nhiệm điều hành Đại hội theo Quy chế này.

17.4. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, BKS;
- BDH; KTNB
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHẦN I

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2024

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. Phân tích tổng quan về hoạt động năm 2024

■ Thuận lợi:

- Thành phố Thủ Đức được thành lập trên cơ sở sáp nhập Quận 2, 9 và quận Thủ Đức trực thuộc thành phố Hồ Chí Minh. Trong tương lai, khu vực hoạt động của TDW sẽ trở thành khu vực sầm uất nhất TP.HCM với sự gia tăng mật độ dân số và sự phát triển ồ ạt của các khu đô thị tại đây. Ngoài ra, thành phố Thủ Đức đang từng bước triển khai đề án đô thị thông minh và chuyển đổi số, các hoạt động được chú trọng như đầu tư xây dựng các tuyến đường, đô thị ven sông, trung tâm tài chính, khu vui chơi ... Nắm bắt được tình hình đó, Ban lãnh đạo Công ty đã có nhiều cải tiến, nâng cao chất lượng từ công tác quản lý cho đến điều hành sản xuất kinh doanh. Đồng thời, Công ty đã nhanh chóng lập kế hoạch kinh doanh nhằm đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước sạch của người dân và cũng như tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ của Đảng ủy; Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chức năng trực thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.
- Trong quá trình hoạt động, luôn có sự đoàn kết, gắn bó trong đơn vị và sự chỉ đạo kịp thời của Đảng ủy, Hội Đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công việc. Sự phối hợp chặt chẽ của các đoàn thể và sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân lao động trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị.
- Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác thống kê số hộ chưa được cấp nước; nhanh chóng cấp phép đào đường, hỗ trợ giải quyết, kiểm tra đối với các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước của khách hàng.
- Đảng ủy và Ban Giám đốc luôn quan tâm đến đời sống công nhân lao động, thu nhập người lao động luôn được duy trì ở mức cao, các chế độ chính sách được công khai, tạo môi trường thuận lợi cho người lao động làm việc và phát triển trong công việc.

■ Khó khăn:

- Tốc độ đô thị hóa cao, hệ thống hạ tầng phát triển mạnh tuy nhiên lại không đồng bộ, dẫn đến tình trạng xây dựng chông chéo làm cho ống cấp nước bị chôn sâu, gây khó khăn cho công tác dò bể, thi công sửa bể, cũng như khó khăn cho công tác quản lý mạng lưới.
- Một số chỉ tiêu đầu tư xây dựng gặp nhiều khó khăn trong công tác thỏa thuận tuyến ống và chờ bàn giao mặt bằng thi công dẫn đến một số dự án chưa thực hiện theo tiến độ dự kiến.
- Với bối cảnh nền kinh tế toàn cầu trong năm 2024 còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố Thủ Đức còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là các lĩnh vực đầu tư bất động sản, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp đã ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu của Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách và lý lịch Ban điều hành (tính đến 31/12/2024)

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Năm sinh	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT - Giám đốc	Kỹ sư Xây dựng; Kỹ sư cấp thoát nước	1973	26/4/2022	- Đại diện 1.083.750 cổ phần của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn tại TDW, chiếm tỷ lệ 12,75% - Sở hữu 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01%
2	Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó giám đốc	Kỹ sư XD Dân dụng và Công nghiệp	1973	08/9/2022	0%
3	Trần Hưng Thành	Phó giám đốc	Thạc sĩ Kỹ thuật, Kỹ sư Xây dựng	1977	17/5/2023	0%
4	Nguyễn Công Thành	Phó giám đốc	Cử nhân Kinh tế	1976	01/6/2023	0%
5	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	Thạc sĩ kinh tế	1976	12/6/2020	0%

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

2.2.1. Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên: 463 người

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	463	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	187	40
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	86	19
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	16	3
4	Lao động phổ thông	174	38
II	Theo đối tượng lao động	463	100
1	Lao động trực tiếp	179	39
2	Lao động gián tiếp	284	61
III	Theo giới tính	463	100
1	Nam	357	77
2	Nữ	106	23

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	463	100
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	72	16
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	391	84
V	Theo cấp quản lý	463	100
1	Quản lý cấp cao	7	2
2	Quản lý cấp trung	38	8
3	Chuyên viên, nhân viên	418	90
VI	Theo độ tuổi	463	100
1	Từ 18 đến 25 tuổi	11	2
2	Từ 25 đến 36 tuổi	91	20
3	Từ 36 đến 45 tuổi	183	40
4	Trên 45 tuổi	178	38
Tổng cộng		463	

2.2.2. Chính sách đối với người lao động

a) Chế độ làm việc

Sự an toàn trong quá trình làm việc của cán bộ công nhân viên luôn được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu, vì vậy các trang thiết bị hỗ trợ và bảo vệ cho người lao động được Công ty lắp đặt, cung cấp đầy đủ. Bên cạnh đó, người lao động được khám sức khỏe định kỳ tại các bệnh viện uy tín do Công ty tổ chức.

Công ty thực hiện chế độ làm việc theo quy định của Luật Lao động 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần và bố trí thời gian nghỉ trưa thích hợp. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua việc phối hợp với Công đoàn tổ chức cho người lao động tham quan, du lịch hằng năm; Tổ chức các giải thi đấu thể thao, khuyến khích nhân viên tham gia rèn luyện để tăng cường sức khỏe.

b) Chính sách đào tạo

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố cốt lõi trong quá trình hình thành và phát triển Công ty nên chất lượng đội ngũ nhân viên được Ban lãnh đạo quan tâm. Với mục tiêu nâng cao tay nghề, nâng cao nghiệp vụ công tác, năng suất làm việc của người lao động để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, Công ty luôn chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vững về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ. Cử cán bộ, người lao động tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ, các lớp tuyên truyền về pháp luật và bồi dưỡng thi nâng bậc.

Để khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân lao động học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu công tác, thời gian qua, Công ty đã xây dựng và ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, tổ chức các khóa học ngắn hạn nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ,

công nhân lao động, đáp ứng yêu cầu công tác và phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Việc tổ chức dự thi tay nghề được thực hiện đúng đối tượng, đúng thời hạn.

c) Chính sách lương, thưởng

Ban lãnh đạo tin rằng chỉ những nhân viên được chăm sóc toàn diện về vật chất và tinh thần thì mới có thể tạo ra sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao và đáp ứng hiệu quả nhu cầu của khách hàng. Vì vậy, chính sách lương, thưởng luôn được Công ty chú trọng và thực hiện đúng quy định. Thêm vào đó, quy chế lương, thưởng được phân bổ theo quy định của Công ty sao cho phù hợp với năng lực, tiến độ, khối lượng công việc và công bằng, bình đẳng.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đánh giá thi đua nhằm khen thưởng các cá nhân đạt thành tích tốt, thưởng đột xuất với các nhân viên hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc.

d) Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động

Chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty để người lao động yên tâm, gắn bó với công việc, phục vụ tốt công tác. Trong năm, 100% CB.CNLD được đóng bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; mua bảo hiểm nhân thọ, và đảm bảo khám sức khỏe định kỳ.

Thực hiện trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc cho người lao động.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa chữa đêm.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe thông qua các hoạt động Hội thao, các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ, ...

3. Kết quả hoạt động năm 2024

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m ³	110.200	110.596	100,36
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.305.650	1.311.975	101,48
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100,00
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	12,50	10,14	- 2,36

3.2. Đánh giá kết quả thực hiện

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và phục vụ xã hội.

a) Sản lượng nước cung cấp

Cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn quản lý góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của Công ty.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ năm 2024 đạt 110.596.441 m³ đạt 100,36% so với kế hoạch năm 2024 và tăng 1,62% so với thực hiện năm 2023.

b) Doanh thu tiền nước

Với sự tăng trưởng của lượng nước tiêu thụ, chỉ tiêu doanh thu tiền nước đạt 1.311,98 tỷ đồng, đạt 100,48% so với kế hoạch năm 2024, và tăng 2,73% so với thực hiện năm 2023.

Công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng của khách hàng, thực hiện điều chỉnh giá biểu, định mức đúng với thực tế. Bên cạnh đó, công tác hỗ trợ đăng ký và cấp định mức nước cũng được chú trọng thực hiện. Song song đó để hưởng ứng cuộc vận động của thành phố chung tay hỗ trợ công nhân, sinh viên ở trọ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống, năm 2024 đã thực hiện cấp định mức cho 13.206 hộ, với tổng số nhân khẩu được cấp định mức là 273.995 người với 1.095.980 m³ được cấp định mức.

Giá bán bình quân năm 2024 đạt 11.862,72 đồng/m³ đạt 100,12% so với kế hoạch năm 2024 và tăng 1,09% so với thực hiện năm 2023.

Tiếp tục duy trì thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán đã tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền của đơn vị. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác như phần mềm Wasspro, phần mềm đọc số hỗ trợ công tác đọc chỉ số nước ngoài hiện trường...

c) Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch

Với nhiệm vụ cung cấp nước sạch trên địa bàn Thành phố Thủ Đức, ý thức được đây là một nhiệm vụ chính trị hết sức quan trọng. Đứng trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp. Thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng, ưu tiên cho công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Ở những khu vực chưa thể phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty đã có nhiều giải pháp đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục như lắp đặt các bồn chứa nước để cung cấp nước sạch hoặc gắn đồng hồ tổng.

Công ty luôn chủ động phối hợp với chính quyền địa phương thống kê các hộ dân có nhu cầu được sử dụng nước sạch, các hẻm, đường chưa có tuyến ống cấp nước để lên phương án phát triển mạng lưới đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân, bên cạnh đó thực hiện phong trào hướng đến anh, chị, em công nhân, sinh viên là người nhập cư hiện đang tạm trú trên địa bàn quản lý, kêu gọi, vận động chủ nhà trọ đăng ký định mức nước nhằm giảm bớt gánh nặng cho người nhập cư hiện tạm trú trong khu vực.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động Công ty tiếp tục giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước sạch.

d) Công tác giảm nước thất thoát thất thu

▪ Công tác phân vùng tách mạng, quản lý nguồn và hệ thống

Trong năm 2024, Công ty đã đưa vào vận hành là 133 DMA, trong đó từ đầu năm 2024 đến nay đã có 20 DMA mới được đưa vào hoạt động và triển khai công tác giảm thất thoát nước.

Phối hợp Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch kiểm tra, giám sát thực hiện công tác thay đồng hồ tổng định kỳ, tính toán sản lượng tiêu thụ trung bình đối với đồng hồ gặp sự cố, đảm bảo tính đúng tính đủ lượng mua bán sỉ qua đồng hồ tổng hàng tháng. Điều tiết mạng lưới, tăng áp lực tuyến truyền tải cấp 2, đồng thời Công ty rà soát, đề xuất lắp đặt bổ sung các tuyến ống truyền tải cấp 2 trên địa bàn nhằm cải thiện áp lực cho Khu vực 2 (Quận 9 cũ) nói riêng, Thành phố Thủ Đức nói chung.

▪ Công tác giám sát địa bàn, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS

Hoàn thành cập nhật hồ sơ hoàn công các công trình, đảm bảo cập nhật đầy đủ thông tin các tuyến ống, công trình mới theo tiến độ vào cơ sở dữ liệu THUDUCGIS.

Hiện nay, trên địa bàn quản lý của Công ty, tốc độ đô thị hóa rất nhanh, các công trình hạ tầng với quy mô lớn gây ảnh hưởng không nhỏ đến hệ thống mạng lưới cấp nước. Trước tình hình đó, Công ty đã chủ động tăng cường công tác giám sát, theo dõi và xử lý kịp thời nhằm đảm bảo công tác thi công lắp đặt và sửa chữa đúng kỹ thuật; phát hiện và ngăn chặn, kịp thời các sự cố xì bể do việc thi công các công trình ngầm khác gây ra. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện lập biên bản hiện trường các trường hợp gây xì bể trên mạng lưới cấp nước của công ty, truy thu 35.196 m³.

▪ Ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào hoạt động giảm thất thoát nước

Ứng dụng mô hình thủy lực để phân tích hiện trạng vận hành DMA, quy hoạch lại vùng áp lực và xây dựng phương án điều phối áp lực mạng lưới các khu vực.

Thực hiện nâng cấp phần mềm trang web Waternet quản lý áp lực online và APP xem qua điện thoại đồng thời tích hợp Logger các trạm giám sát chất lượng nước trên mạng lưới cấp nước.

Triển khai kế hoạch và hoàn thành việc xây dựng DMA thông minh tại khu dân cư thuộc dự án Sài Gòn Mystery, Phường Bình Trưng Tây, Khu vực 1, TP. Thủ Đức.

Trong năm 2024, Tỷ lệ thất thoát nước theo sản lượng mua bán sỉ của Công ty năm 2024 là 10,14% cao hơn 1,23% tỷ lệ thất thoát nước năm 2023 và thấp hơn 2,36% so với kế hoạch Tổng Công ty giao 12,5%.

4. Những tiến bộ đã đạt được

- Hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.
- Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn.
- Doanh thu năm sau đều tăng so với năm trước.

- Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu.
- Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng yêu cầu của khách hàng, ...

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, BCTC 2024 ĐÃ KIỂM TOÁN

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2024 như sau:

1. Kết quả hoạt động tài chính năm 2024

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.316.656	1.333.815	101,30
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	64.853	70.299	108,40
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	51.883	56.083	108,10
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	38,90	42,05	108,10

2. Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tỷ lệ 2024/2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Tài sản ngắn hạn	184.060	173.704	94,37%	39,47%	30,79%
Tài sản dài hạn	282.315	390.393	138,28%	60,53%	69,21%
Tổng tài sản	466.375	564.097	120,95%	100,00%	100,00%

3. Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023 (*)	Năm 2024	TH 2024/2023	Tỷ trọng năm 2023	Tỷ trọng năm 2024
Nợ ngắn hạn	216.700	287.480	132,66%	92,53%	89,37%
Nợ dài hạn	17.499	34.208	195,48%	7,47%	10,63%
Tổng nợ phải trả	234.199	321.688	137,36%	100,00%	100,00%

(*) Công ty thực hiện kiến nghị KTNN theo Thông báo số 25/TB-KV IV ngày 11 tháng 11 năm 2024 về kết quả kiểm toán tại đơn vị, điều chỉnh tăng thuế TNDN phải nộp năm 2023 với số tiền 1.049.650.666 đồng do loại trừ chi phí phúc lợi vượt quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC.

4. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2023 sau điều chỉnh hồi tố
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,60	0,85	0,85
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,37	0,59	0,58
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	57,03	49,99	50,22
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	132,70	99,97	100,87
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho	vòng	13,86	14,22	14,26
	Vòng quay tổng tài sản	vòng	2,56	2,76	2,76
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,25	4,20	4,12
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	23,63	23,11	23,19
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,88	11,56	11,39
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	%	4,42	4,80	4,80

5. Ý kiến của Kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2024

▪ Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY về Báo cáo tài chính năm 2024

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

▪ Nội dung Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

Toàn văn Báo cáo tài chính năm 2024 được kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY được công bố tại mục Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty: www.thuducwater.vn

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BGĐ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Minh

PHẦN II | ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025

1. Mục tiêu

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo và nâng cao thu nhập, chăm lo đời sống tinh thần của cán bộ công nhân viên.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu ở mức bình quân: 11,20%.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

- Phát triển mạng lưới cấp nước trên khu vực quản lý.
- Phát triển thêm khách hàng sử dụng nước.
- Tiếp tục mở rộng thực hiện phân vùng tách mạng các đồng hồ tổng cho công tác giảm thất thoát nước thất thu.
- Giữ vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch.

II. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	114.500.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.368.275
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,20
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.379.925
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	72.507
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	58.006
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH _{bq}	%	23,07
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH _{bq} (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,67
5	Cổ tức	%	12,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
C	Quỹ tiền lương Người quản lý		
1	Quỹ tiền lương	tr. đồng	3.326,40
2	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	tr. đồng	696,00

III. Biện pháp thực hiện

1. Công tác điều hành và tổ chức

- Tăng cường chỉ đạo tập trung thống nhất, nâng cao năng lực bộ máy điều hành và quản lý của Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Tiếp tục công tác xây dựng và cải tiến các quy chế làm việc tại các phòng chức năng nhằm phát huy sự liên kết và phối hợp trong toàn Công ty tạo tiền đề cho việc hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh đã đề ra.
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp, tạo sự đoàn kết, đảm bảo sự hài hoà giữa lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân để gắn kết mọi người cùng hành động vì mục tiêu chung là phát triển doanh nghiệp một cách bền vững.
- Cải tiến, nâng cao sự phối hợp giữa các phòng chức năng trong xử lý công việc, tiếp tục xây hoàn thiện công tác dịch vụ khách hàng mô hình “một cửa liên thông”, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.
- Tiếp tục duy trì và phát triển website công ty tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tra cứu thông tin, trao đổi về các dịch vụ cung cấp của công ty một cách thuận tiện nhất.

2. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng

- Tiếp tục xây dựng, phát triển ứng dụng chăm sóc khách hàng trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.
- Tuyên truyền, giáo dục, tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ khách hàng.
- Xây dựng, đổi mới quy trình một cách khoa học, phù hợp với tình hình thực tế trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của khách hàng, tuyệt đối tránh để tồn đọng hồ sơ. Từng phòng chức năng chủ động cải tiến quy trình làm việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.
- Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện mô hình “chăm sóc khách hàng” tạo thuận tiện, rút ngắn thời gian giải quyết các yêu cầu của khách hàng.
- Phối hợp với Phòng Quản lý Chất lượng Nước Tổng công ty, Trung tâm Y tế Dự phòng lấy mẫu, kiểm tra chất lượng nước định kỳ.
- Chủ động phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về cấp nước của nhân dân.

3. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

- Tập trung đẩy nhanh công tác phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước cho khách hàng giảm thiểu các giải pháp cấp nước tạm thời bằng xe bồn, cấp nước qua đồng hồ tổng.
- Tập trung công tác dò bể ngầm và kéo giảm lượng nước thất thoát tại các DMA có tỷ lệ thất thoát nước cao, thực hiện rà soát các đồng hồ tổng trên địa bàn, thực hiện kế hoạch kiểm tra thường xuyên, thay pin đồng hồ tổng/ Datalogger kịp thời, đảm bảo các đồng hồ tổng hoạt động ổn định.
- Tiếp tục rà soát và xử lý các trường hợp tiêu thụ $= 0 \text{ m}^3$ và $1 - 4 \text{ m}^3$, hạ cỡ các đồng hồ nước tiêu thụ không phù hợp.
- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời và triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, tiêu thụ bất thường, sai giá biểu, ...
- Tiếp tục hoàn thiện Mô hình thủy lực tổng thể mạng lưới cấp nước của Công ty để đánh giá hiện trạng áp lực trên toàn mạng lưới cấp nước nhằm có phương án quy hoạch lại mạng lưới cấp nước theo định hướng phát triển của TP. Thủ Đức.

4. Các chỉ tiêu đầu tư xây dựng

- Tập trung làm tốt và làm nhanh hồ sơ dự án ở khâu chuẩn bị đầu tư như (báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo khảo sát thiết kế, lập dự toán thi công...) để chuyển nhanh sang bước thực hiện đầu tư.
- Chủ động cân đối nguồn vốn thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; Đảm bảo giải quyết 100% các hộ dân được gắn đồng hồ nước ở các khu vực đã có mạng lưới cấp nước.
- Thống kê các khu vực đường ống có tuổi thọ lâu năm, xì bể nhiều lần để đưa vào kế hoạch cải tạo, thay mới. Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng, cơ quan chức năng liên quan để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.
- Chủ động trong công tác mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay trong quý I năm 2024 để có cơ sở hoàn thành kế hoạch của Công ty. Tăng cường công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng vật tư trước khi thi công, công tác hậu kiểm để đảm bảo chất lượng thi công công trình.
- Tăng cường công tác quản lý hệ thống van, thường xuyên vận hành thử, bảo trì hệ thống van trên mạng lưới, đặc biệt là các van cô lập mạng lưới. Công tác coi van phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, không để tình trạng khuất lấp van trên mạng lưới, cập nhật code van lên mạng lưới cấp nước và cập nhật dữ liệu van lên ThuDucGIS.
- Tăng cường giám sát công tác thi công các công trình, đảm bảo thi công đúng kỹ thuật, vật tư đạt chất lượng, đảm bảo công tác tái lập cát lót ống, chú trọng công tác sửa bể ống nhánh (thay nguyên ống mới nếu bể lần 2 hoặc có chất liệu không phù hợp, nhằm tránh tái xuất hiện điểm bể). Đảm bảo bít huyệt hết nước các tuyến ống cũ trong các công trình cải tạo ống cũ mục trên địa bàn quản lý.
- Tăng cường công tác tuần tra mạng lưới cấp nước, kết hợp địa phương lập biên bản xử lý ngay tại hiện trường các trường hợp gây xì bể và tiến hành sửa bể kịp thời tránh thất thoát.

5. Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị

- Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định.
- Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực.
- Cân đối sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ nguồn vốn.
- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.

6. Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý

- Tiếp tục xây dựng phần mềm thống kê, tra cứu số liệu sản xuất kinh doanh, công tác vận hành mạng lưới cấp nước để phục vụ công tác quản lý điều hành (phiên bản Mobile App).
- Hoàn thiện ứng dụng, hệ thống cổng kết nối API Getway phục vụ kết nối liên thông các phần mềm công nghệ thông tin quản lý nghiệp vụ sản xuất kinh doanh, tích hợp các chức năng của các phần mềm như: App bấm chỉ mã vạch, thay đồng hồ, gắn mới miễn phí, quản lý thu hộ, Wasspro, Hóa đơn điện tử, ...
- Tiếp tục nâng cấp, cập nhật các tính năng mới cho các phần mềm hiện hành tại đơn vị.
- Tiếp tục hoàn thiện Mô hình thủy lực tổng thể mạng lưới cấp nước của Công ty để đánh giá hiện trạng áp lực trên toàn mạng lưới cấp nước nhằm có phương án quy hoạch lại mạng lưới cấp nước theo định hướng phát triển của TP. Thủ Đức.

7. Các công tác khác

- Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị.
- Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời tích cực hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.
- Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
- Thông qua phong trào thi đua, phát hiện các nhân tố tích cực để đào tạo bồi dưỡng giới thiệu cho các Chi bộ.
- Cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân lao động.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BGĐ;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Minh

PHẦN III | BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế Quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Hội đồng quản trị Báo cáo hoạt động năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị

1.1. Thành viên và cơ cấu

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Chuyên trách
2	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT kiêm GD	1.083.750	800	1.083.750 800 (sh)	ĐD:12,75% SH: 0,01%	Điều hành
3	Đặng Đức Hiền	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV. - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Quảng trường Quốc tế					
4	Lê Trọng Thuận	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	ĐD:12,75%	Không điều hành

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác	- Trưởng phòng Kinh doanh Dịch vụ khách hàng Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn					
5	Trương Khắc Hoàn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Giám đốc - Công ty TNHH Nước sạch REE. - Thành viên HĐQT các công ty: + Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức; + Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp; + Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà; + Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa; + Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn.					
6	Nguyễn Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
	Các chức danh nắm giữ tại các công ty khác:	- Quản lý phát triển kinh doanh – Công ty TNHH Nước sạch REE. - Thành viên HĐQT các công ty: + Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định; + Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè; + Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch Sông Đà; + Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa.					

1.2. Kết quả đánh giá của HĐQT đối với Giám đốc và bộ máy điều hành

Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban giám đốc trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Các nội dung giám sát gồm:

- Công tác điều hành của Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác điều hành, chỉ đạo thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Năm 2024, Ban giám đốc đã nỗ lực trong quá trình điều hành công ty, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị.

Với kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, cụ thể:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn.

- Chính sách điều hành minh bạch, có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy điều hành.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định.
- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và công bố thông tin.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển của Công ty.

Năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
1	03/NQ-CNTĐ-HĐQT	05/02/2024	- Thông qua kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
2	06/NQ-CNTĐ-HĐQT	23/02/2024	- Điều chỉnh Kế hoạch triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
3	08/NQ-CNTĐ-HĐQT	21/3/2024	- Dự thảo BCTC năm 2023 đã kiểm toán; - Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023; - Kế hoạch lao động và Quỹ tiền lương năm 2024; - Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 (trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024); - Kế hoạch tài chính năm 2024 (trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024); - Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2023; Đơn giá hợp đồng mua bán sỉ năm 2024 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH một thành viên; - Giao dịch với các bên liên quan năm 2024; - Đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp năm 2023; - Báo cáo của Bộ phận Kiểm toán nội bộ năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024; - Cử đoàn tham dự Triển lãm và Hội thảo ngành nước Úc Ozwater'24;

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung thông qua
			- Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
4	14/NQ-CNTĐ-HĐQT	22/5/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Kế hoạch chi trả cổ tức từ lợi nhuận kinh doanh năm 2023 và từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước; - Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024; - Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Ngọc Lành làm Người quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty thay thế Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung.
5	19/NQ-CNTĐ-HĐQT	13/6/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024; - Sửa đổi, bổ sung Quy chế kiểm toán nội bộ của Công ty.
6	28/NQ-CNTĐ-HĐQT	10/9/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ trương vay vốn ngân hàng để thực hiện sản xuất kinh doanh; - Báo cáo tài chính Quý II, Báo cáo tài chính giữa niên độ 2024 đã được soát xét; - Điều chỉnh Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024. - Điều chỉnh hệ thống thang bảng lương, nhóm chức danh công việc và Bảng quy định tiêu chuẩn chức danh công việc của Công ty; - Báo cáo của BP. Kiểm toán nội bộ về tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2024; - Đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Anh Tuấn - thành viên Hội đồng quản trị.
7	32/NQ-CNTĐ-HĐQT	16/10/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn ngân hàng cho vay vốn và hạn mức vay vốn thực hiện các dự án đầu tư xây dựng năm 2024; điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn đối với các dự án đi vay vốn; - Chủ trương thuê đơn vị tư vấn công bố thông tin bằng tiếng Anh.
8	36/NQ-CNTĐ-HĐQT	11/12/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả tài chính và Báo cáo tài chính Quý III năm 2024; - Điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm vật tư, thiết bị năm 2024.

1.5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

1.6. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đạo tạo về quản trị Công ty

a) Danh sách thành viên tham gia khóa đào tạo về quản trị trong năm 2024

- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát.
- Nguyễn Thị Ngọc Lành – Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty.
- Đinh Đức Điền – Trợ ký Chủ tịch HĐQT/ Phó trưởng Phòng Quản lý Dự án
- Phạm Thị Kim Chi – Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính

b) Danh sách các thành viên đã tham gia khóa đào tạo về quản trị Công ty

- Đặng Đức Hiền – Thành viên Hội đồng quản trị.
- Nguyễn Thị Ngọc Hạnh – Trưởng Ban kiểm soát.
- Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Nguyên Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty.

2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

2.1. Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2023 (NQL)	Ghi chú
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Tổng Đăng Khoa	Chủ tịch HĐQT	688.367.192	-	79.457.204	
2	Nguyễn Công Minh	TV.HĐQT kiêm GD	622.876.842	96.000.000	71.831.280	
3	Đặng Đức Hiền	Thành viên	-	96.000.000	-	
4	Trương Khắc Hoàn	Thành viên	-	96.000.000	-	
5	Lê Trọng Thuần	Thành viên	-	96.000.000	-	
6	Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	-	96.000.000	-	
BAN KIỂM SOÁT						
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	573.365.962	-	64.697.352	
2	Trương Quế Hương	Trưởng ban	-	72.000.000	-	
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	-	72.000.000	-	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	-	72.000.000	-	
BAN ĐIỀU HÀNH						
1	Phạm Huỳnh Bá Đạt	Phó GD	591.187.961	-	68.141.317	
2	Trần Hưng Thành	Phó GD	533.621.579	-	40.318.639	
3	Nguyễn Công Thành	Phó GD	526.343.427	-	37.740.122	
4	Nguyễn Thị Thùy Linh	Phó GD	35.759.515	-	26.957.230	Miễn nhiệm ngày 01/6/2023
5	Cao Hữu Lộc	Kế toán trưởng	545.212.809	-	61.499.384	

2.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông lớn: Không.

2.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ, người có liên quan

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CMND/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cổ đông lớn nắm giữ 51% (Cổ đông Nhà nước) - Công ty mẹ	0301129367, Ngày cấp: 20/09/2010. Nơi cấp: Sở KHĐT TP. HCM	01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM	2024	10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024	847.289.049.393	Mua bán si nước sạch (đơn giá 6.884,26 đồng/m ³)
							75.713.740	Đào tạo
							9.373.318.450	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)
							14.739.000.000	Chi cổ tức
							212.263.636	Truyền thông;
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304789298 Ngày cấp: 02/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	1179 Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, P. Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	2024	08/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/3/2024	125.124.908	Mua nước uống đóng chai
3	Công ty Cổ phần Cơ Khí công trình Cấp nước	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0304772551 Ngày cấp: 03/01/2007 Nơi cấp: Sở KHĐT – Tp.HCM	C12 Ấp Thống Nhất 1, Xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn, TP.HCM	2024	08/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/3/2024	165.000.000	Sửa chữa, tân trang; kiểm định đồng hồ nước
4	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Cùng công ty mẹ (TCT Cấp nước Sài Gòn)	0300475734 Ngày cấp: 13/10/2010 Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	Số 14-16 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, TP.HCM	2024	08/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/3/2024	9.424.241.131	Thi công xây lắp công trình cấp nước (Cải tạo, nâng cấp ống mục, ống sâu DMA)

Stt	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH (CMND/ ĐKKD) ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
							154.383.658	Doanh thu từ bán nước sạch
							6.004.293	Vật tư sửa bể
5	Công ty TNHH Nước sạch REE	Cổ đông	0312491547, Ngày cấp: 04/10/2013, Nơi cấp: Sở KHĐT TP.HCM	364 Cộng Hòa, P.13, Quận Tân Bình, TP.HCM	2024	10/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024	12.766.048.000	Chi cổ tức

2.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức luôn tuân thủ và thực hiện đúng quy định pháp luật về việc lập Báo cáo công tác quản trị và công bố thông tin. Đồng thời, luôn xem xét các thông lệ và điều chỉnh cho phù hợp với quy định của pháp luật về quản trị công ty cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

3. Những thay đổi trong HĐQT, BKS, BDH: Không.

4. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện trong năm 2024
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024	Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh
2	Chi trả cổ tức năm 2023	a) Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2023 bằng tiền. - Tỷ lệ thanh toán: 14% - Ngày thanh toán: từ ngày 21/6/2024. b) Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2023 bằng tiền. - Tỷ lệ thanh toán: 10% - Ngày thanh toán: từ ngày 29/7/2024. c) Chi trả cổ tức đợt 3 năm 2023 bằng tiền. - Tỷ lệ thanh toán: 10% - Ngày thanh toán: từ ngày 14/10/2024.
3	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2024	HĐQT đã ban hành Nghị quyết 14/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 22/5/2024 về việc chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY làm đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 (theo ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết 10/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024)

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện trong năm 2024
4	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch; Hợp đồng thuê lại mạng lưới cấp nước; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn	Công ty đã ký kết các hợp đồng với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (chi tiết xem tại mục 2.3 báo cáo này)

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

1. Công tác quản lý, giám sát của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị duy trì việc giám sát hoạt động của Ban giám đốc nhằm đảm bảo cho hoạt động của doanh nghiệp được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng nội dung Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và khách hàng.

Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của công ty, đưa ra định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

2. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể CB.CNLD và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2024 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được giao.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn, đồng thời cung cấp đầy đủ và kịp thời báo cáo theo quy định của Luật Kế toán và Luật Chứng khoán, phục vụ tốt cho công tác lãnh đạo điều hành và quản trị nội bộ.

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

Thực hiện tốt công tác cải cách hành chính, chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng được nâng cao, các mô hình giải pháp đã đi vào hoạt động ổn định, các yêu cầu, kiến nghị của khách hàng được giải quyết thuận lợi và nhanh chóng, rút ngắn thời gian tiếp nhận và giải quyết công việc, giảm thiểu thời gian của khách hàng.

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực có đồng hồ nước tiểu vùng; tăng cường công tác dò tìm và sửa bể; Tiếp tục vận hành trung tâm mạng lưới cấp nước NOC; Ứng dụng mô hình thủy lực để phân tích hiện trạng vận hành DMA, quy hoạch lại vùng áp lực và xây dựng phương án điều phối áp lực mạng lưới; Ứng dụng App quản lý sự cố sửa bể; xây dựng bản đồ giám sát áp lực mạng lưới cấp nước theo thời gian thực, xây dựng hệ thống giám sát xe sự cố, ...

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh, góp phần nâng cao đời sống của nhân dân trên địa bàn.

Về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty.

3. Đánh giá hoạt động của Ban giám đốc (Giám đốc và người điều hành khác)

Với kết quả đạt được trong năm 2024, Hội đồng quản trị đánh giá cao vai trò của Ban giám đốc trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty.
- Kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý
- Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban giám đốc.
- Có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy và quản lý công việc hiệu quả.
- Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Trong thời gian tới, với quy hoạch phát triển của Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đòi hỏi Công ty phải nỗ lực hơn nữa để phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và cung cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thành phố; tiếp tục đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn Công ty quản lý, cũng như của toàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty cần xác định, khai thác các cơ hội trong từng giai đoạn khó khăn thách thức để phát triển. Phát huy thế mạnh của mô hình cổ phần hóa nhằm góp phần tạo sự chủ động trong công tác sản xuất kinh doanh; tập trung sắp xếp hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, kết hợp định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.

1. Công tác điều hành và quản trị doanh nghiệp

Hội đồng quản trị tiếp tục giám sát chặt chẽ quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.

Phối hợp cùng Ban Kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập trong quá trình điều hành quản lý Công ty nhằm đưa ra các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời các rủi ro xảy

ra trong hoạt động tài chính.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý doanh nghiệp.

Tiếp tục rà soát, cập nhật, điều chỉnh các quy chế, quy trình cho phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp để tạo sự chủ động, tính chịu trách nhiệm đi kèm, tăng cường kiểm tra giám sát tính tuân thủ và hiệu quả công việc.

Hoàn thiện, kiện toàn bộ máy tổ chức tinh gọn cho phù hợp với hoạt động của công ty cổ phần và xu thế phát triển trong khu vực.

2. Công tác nhân sự

Trọng tâm của kế hoạch nhân sự là chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu nhân sự cho mục tiêu phát triển công ty.

Đội ngũ nhân lực đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển doanh nghiệp, để tạo nền tảng vững mạnh thì cần phải đào tạo người lao động nắm được kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc. Muốn xây dựng doanh nghiệp bền vững thì đòi hỏi phải dựa vào nguồn nhân lực chất lượng cao, với kỹ năng nghề nghiệp, kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm dày dặn sẽ thúc đẩy năng suất lao động.

3. Công tác khác

Tăng cường công tác dân chủ thông qua các kênh chính quyền, tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên để xây dựng Công ty đoàn kết, thống nhất; xây dựng văn hóa doanh nghiệp vì mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHẦN IV | BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022;
- Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021;
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về công tác quản trị Công ty năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025;
- Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần cấp nước Thủ Đức kính trình Đại Hội đồng Cổ Đông báo cáo Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, trong năm 2024 các thành viên Ban Kiểm soát Công ty gồm:

- | | |
|----------------------------|-----------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh | - Trưởng Ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo | - Thành viên Ban kiểm soát |
| - Bà Trương Quế Hương | - Thành viên Ban kiểm soát |
| - Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh | - Thành viên Ban kiểm soát. |

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế Quản trị của Công ty, Ban Kiểm soát đã xây dựng và triển khai Chương trình công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên phụ trách kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ Đông và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2024 như sau:

- Giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh, Kế hoạch Tài chính năm 2024;
- Đề xuất Danh sách các Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty;
- Giám sát việc chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm;
- Xem xét tính phù hợp các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, các Quyết định của Ban Giám đốc trong công tác quản lý.
- Thẩm định các Báo cáo tình hình kinh doanh, Báo cáo Tài chính quý, năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật, đảm bảo tính minh bạch trong việc công bố thông tin để phục vụ quyền lợi của Cổ đông.
- Giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; Thực hiện chia cổ tức cho Cổ đông.
- Tham dự các phiên họp Hội đồng Quản trị, qua đó nắm bắt thông tin kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ công tác kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định để soát xét, đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.

3. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã tổ chức các phiên họp để thông qua tài liệu trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024; xem xét, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán, Báo cáo Tài chính bán niên 2024 đã soát xét, Báo cáo Tài chính quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm của Công ty. Ngoài ra, các thành viên Ban Kiểm soát còn tham dự các cuộc họp theo Thư mời của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các thành viên trong Ban kiểm soát đều tham dự họp đầy đủ, nội dung các cuộc họp của Ban Kiểm soát cụ thể như sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày họp	Nội dung họp
1	01/BB-BKS	19/3/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2023; Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty. - Thông qua Dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024; Xem xét các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024.

Stt	Biên bản họp	Ngày họp	Nội dung họp
			- Đề xuất Danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty.
2	02/BB-BKS	16/8/2024	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và Thẩm định Báo cáo Tài chính bán niên 2024 đã được soát xét của Công ty.
3	03/BB-BKS	04/11/2024	Đánh giá Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Tài chính Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 của Công ty.

Trong quá trình làm việc, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi công việc, tài liệu, nắm bắt thông tin kịp thời, liên tục; đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định.

4. Tiền lương, thù lao của Ban Kiểm soát

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024, thù lao của các thành viên Kiểm soát viên không chuyên trách trong năm 2024 là 6.000.000 đồng/người/tháng.

Trưởng Ban Kiểm soát hưởng lương chuyên trách và lợi ích khác theo chế độ, Thang bảng lương và Thỏa ước Lao động tập thể của Công ty.

Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Trưởng Ban Kiểm soát; tiền thù lao, tiền thưởng cho các Kiểm soát viên theo đúng quy định.

Đvt: Đồng.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng (từ QKT trích từ LNPP năm 2023)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Trưởng ban	573.365.962	-	64.697.352	
2	Trương Quế Hương	Trưởng ban	-	72.000.000	-	
3	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên	-	72.000.000	-	
4	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên	-	72.000.000	-	

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2024

Công ty đã thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 với kết quả đạt được như sau:

- Thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2023 cho Cổ đông đúng hạn theo quy định. Trong năm 2024, cổ tức được chi trả 3 đợt, từ lợi nhuận kinh doanh năm 2023 (14%/Vốn Điều lệ) và từ lợi nhuận chưa phân phối các năm trước (20%/Vốn Điều lệ).

- Chi trả thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và hạch toán chi phí theo đúng quy định.
- Hội đồng Quản trị đã chọn và Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024.
- Thực hiện ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị đã thực hiện thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và giao Giám đốc Công ty thực hiện kết ký các hợp đồng gồm : Hợp đồng Mua bán sỉ nước sạch năm 2024; Hợp đồng Thuê tài sản mạng lưới cấp nước năm 2024 do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đầu tư trên địa bàn để quản lý và khai thác; Hợp đồng nhượng vật tư chuyên ngành nước; và các Hợp đồng khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh tại đơn vị.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, kế hoạch Tài chính và Quỹ tiền lương Người quản lý năm 2024 với kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024 ⁽¹⁾	Tỷ lệ TH/KH
A	Sản xuất kinh doanh				
1	Nước tiêu thụ	1.000 m ³	110.200	110.596	100,36%
2	Doanh thu tiền nước	Triệu đồng	1.305.650	1.311.975	100,48%
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100,00%
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,5	10,14	giảm 2,36%
B	Tài chính				
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	1.316.656	1.333.815	101,30%
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	64.853	70.299	108,40%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	51.883	56.083	108,10%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	21,2	23,63	111,46%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân (theo Thông tư 200/2015/TT-BTC) ⁽²⁾	%	38,9	42,05	108,10%

¹ Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước tại Thông báo Kết quả kiểm toán số 25/TB-KV IV ngày 11/11/2024 của KTTN Khu vực IV tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức về việc kiểm toán Ngân sách địa phương năm 2023; chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn năm 2021-2023 và hoạt động quản lý, điều hành vận tải hành khách công cộng có sự trợ giá của Nhà nước giai đoạn 2022-2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đó Công ty đã điều chỉnh hội tổ số thuế TNDN bổ sung phải nộp 1.049.650.666 đồng, dẫn đến trình bày lại số dư đầu kỳ của Báo cáo Tài chính bao gồm số dư đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán và cột năm trước của Kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2024 (Thông tin chi tiết tại nội dung Thuyết minh số 38 – Điều chỉnh hội tổ của Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty đã kiểm toán).

² Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) : Kế hoạch năm 2024 : 21,2%, Thực hiện năm 2024 : 23,63%, tỷ lệ TH/KH là 111,5%.

Trong đó: Vốn chủ sở hữu bao gồm các khoản mục trên Bảng CĐKT : Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) + Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 418) + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 421). Vốn CSH bình quân = (Vốn CSH đầu kỳ + Vốn CSH cuối kỳ)/2.

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (theo Thông tư 200/2015/TT-BTC), trong đó Vốn chủ sở hữu được tính bao gồm các khoản mục trên Bảng CĐKT : Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) + Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 418) + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 422). Vốn CSH bình quân = (Tổng số dư Vốn CSH cuối mỗi quý)/4.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024 ⁽¹⁾	Tỷ lệ TH/KH
6	Cổ tức	%	12	24,45	203,75%
				(Kế hoạch trình ĐHĐCĐ)	
C	Quỹ Tiền lương Người quản lý, thù lao HĐQT, BKS				
1	Quỹ Tiền lương NQL ⁽³⁾	Triệu đồng	3.447	3.810	110,54%
2	Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát (không chuyên trách)	Triệu đồng	696	696	100,00%

III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024 CỦA CÔNG TY

1. Tình hình Tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2024

1.1. Tình hình Tài chính tại ngày 31/12/2024 của Công ty được tóm tắt như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2024)	Số đầu kỳ (01/01/2024) trình bày lại ⁽¹⁾
I	Tài sản ngắn hạn	173.703.640.246	184.060.424.039
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	69.543.729.955	92.529.437.964
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.450.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	18.497.351.851	18.882.100.672
4	Hàng tồn kho	66.107.925.302	57.578.203.986
5	Tài sản ngắn hạn khác	19.554.633.138	13.620.681.417
II	Tài sản dài hạn	390.393.139.539	282.314.916.383
1	Các khoản phải thu dài hạn	730.000.000	175.000.000
2	Tài sản cố định hữu hình	325.200.309.652	259.782.579.972
3	Tài sản cố định vô hình	7.653.983.108	6.223.574.022
4	Tài sản dở dang dài hạn	48.809.847.672	7.160.765.678
5	Tài sản dài hạn khác	7.998.999.107	8.972.996.711
A	Tổng Tài sản	564.096.779.785	466.375.340.422
I	Nợ phải trả	321.688.069.107	234.198.974.133
1	Nợ ngắn hạn	287.479.789.484	216.699.679.694
2	Nợ dài hạn	34.208.279.623	17.499.294.439
II	Vốn chủ sở hữu	242.408.710.678	232.176.366.289
1	Vốn góp chủ sở hữu	85.000.000.000	85.000.000.000

³ Theo Nghị quyết số 10/NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024, Quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý năm 2024 là 3,447 tỷ đồng. Theo Công văn số 160/TCT-HĐTV ngày 26/08/2024 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về lao động, Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức, Quỹ tiền lương kế hoạch của Người quản lý năm 2024 là 3,326 tỷ đồng. Tỷ lệ Quỹ tiền lương thực hiện so với kế hoạch đạt 114,55%.

Stt	Chỉ tiêu	Số cuối năm (31/12/2024)	Số đầu kỳ (01/01/2024) trình bày lại ⁽¹⁾
2	Quỹ Đầu tư phát triển	52.373.209.808	36.373.209.808
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	105.035.500.870	110.803.156.481
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	48.952.513.953	57.946.491.296
	- LNST chưa phân phối kỳ này	56.082.986.917	52.856.665.185
B	Tổng Nguồn vốn	564.096.779.785	466.375.340.422

1.2. Một số Chỉ tiêu Tài chính cơ bản

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023 (trình bày lại) ⁽¹⁾
1	Cơ cấu Tài sản			
	Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	%	30,79	39,47
	Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	%	69,21	60,53
2	Cơ cấu Nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	57,03	50,22
	Vốn CHS/Tổng nguồn vốn	%	42,97	49,78
	Nợ phải trả/Vốn CSH	lần	1,33	1,01
	Hệ số bảo toàn vốn	lần	1,13	1,00
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,37	0,58
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	0,60	0,85
4	Hiệu quả hoạt động			
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản bình quân	%	10,88	11,39
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,25	4,12
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	%	23,63	23,19

Công ty bảo toàn được vốn và hoạt động kinh doanh có lãi. Tuy nhiên khả năng thanh toán giảm do tiền và các khoản tương đương tiền giảm so với đầu năm. Trong đó bao gồm nguyên nhân do dòng tiền Công ty dùng chi cho hoạt động đầu tư tăng cao, chi trả cô tức từ lợi nhuận còn lại chưa phân phối của các năm trước và trả tiền mua sỉ nước sạch bổ sung cho Tổng công ty từ sau thời điểm cổ phần hóa đến khi mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng theo kết quả xử lý có liên quan của KTNN năm 2021.

1.3. Kết quả kinh doanh năm 2024

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2023 (trình bày lại)	Năm 2024		Tỷ lệ TH 2024/KH	Tỷ lệ TH 2024/2023
				Kế hoạch	Thực hiện		
(A)	(B)	(C)	(1)	(2)	(3)	(4) = (3)/(2)	(5) = (3)/(1)
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	1.295.262	1.316.656	1.333.815	101,30%	102,98%
	Trong đó:						
	Doanh thu hoạt động kinh doanh chính		1.284.665	1.311.150	1.318.268	100,54%	102,62%
2	Tổng chi phí	-	1.227.175	1.251.803	1.263.516	100,94%	102,96%
3	Lợi nhuận trước thuế	-	68.086	64.853	70.299	108,40%	103,25%
	Trong đó:						
	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính		61.532	60.787	58.305	95,92%	94,76%
4	Lợi nhuận sau thuế	-	52.857	51.883	56.083	108,10%	106,10%

Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2024 của Công ty có các chỉ tiêu sau:

a. Tổng Doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện 1.333,82 tỷ đồng, đạt 101,3% so với kế hoạch, tăng 2,98% (+38,55 tỷ đồng) so với năm 2023. Trong đó:

- Doanh thu nước sạch thực hiện 1.311,98 tỷ đồng, đạt 100,48% so với kế hoạch, tăng 2,73% (+34,86 tỷ đồng) so với năm 2023. Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ tăng 1,62% (+1.765.887 m³) so với cùng kỳ năm trước và do giá bán bình quân tăng 127,79 đồng/m³ từ 11.734,93 đồng/m³ (bình quân năm 2023) lên 11.862,72 đồng/m³ (bình quân năm 2024).
- Thu nhập khác thực hiện 15,55 tỷ đồng, đạt 282,36% so với kế hoạch, tăng 46,71% (+4,95 tỷ đồng) so với năm 2023. Trong đó, thu nhập từ nhận tiền bồi thường di dời tuyến ống cấp nước 12,46 tỷ đồng.

b. Tổng Chi phí

Tổng chi phí thực hiện 1.263,52 tỷ đồng, đạt 100,94% so với kế hoạch, tăng 2,96% (+36,34 tỷ đồng) so với năm 2023. Trong đó:

- Chi phí hoạt động kinh doanh chính thực hiện 1.259,96 tỷ đồng, đạt 100,77% so với kế hoạch, tăng 3,01% (+36,83 tỷ đồng) so với năm 2023.

Chi phí hoạt động kinh doanh chính bao gồm: Chi phí giá vốn, chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí lãi vay phục vụ hoạt động kinh doanh.

- + Về chi phí giá vốn: Năm 2024, chi phí giá vốn mua sỉ nước sạch được Công ty thực hiện ký kết Hợp đồng mua sỉ nước sạch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn với đơn giá tạm tính là 6.812,73 đồng/m³ (theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/NQ-CNTĐ-HĐQT ngày 21/03/2024 và Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 10/NQ-CTĐ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024). Đơn giá mua sỉ nước sạch

điều chỉnh năm 2024 là 6.884,26 đồng/m³ (tăng 71,43 đồng/m³). Đơn giá này sẽ được Hội đồng Quản trị Công ty báo cáo thông qua ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.

Giá vốn nước sạch trong năm 2024 được Công ty hạch toán theo nguyên tắc doanh thu phù hợp chi phí 854,3 tỷ đồng (124.065.224 m³) bao gồm giá vốn nước sạch được kết chuyển từ chi phí mua sỉ nước sạch dở dang đầu kỳ của cuối năm trước chuyển sang 35,28 tỷ đồng (5.178.331 m³), cộng với giá vốn nước sạch mua sỉ trong kỳ 847,29 tỷ đồng (123.076.271 m³) và trừ chi phí mua sỉ nước sạch dở dang cuối kỳ chuyển sang kỳ sau 28,27 tỷ đồng (4.106.052 m³).

- + Chi phí hoạt động kinh doanh gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện năm 2024: 401,27 tỷ đồng, đạt 105,79% so với kế hoạch, tăng 1,69% (+6,66 tỷ đồng) so với năm 2023.
- + Chi phí tài chính năm 2024: 1,63 tỷ đồng, đạt 88,57% so với kế hoạch năm 2024, giảm 47,64% (-1,483 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2023.

Số dư nợ vay ngân hàng tại ngày 31/12/2024 là 47,36 tỷ đồng, trong đó Nợ vay dài hạn đến hạn trả là 12,88 tỷ đồng. Đây là các khoản vay ngân hàng để đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước từ năm 2015, 2016 và khoản vay mới trong quý 4 năm 2024. Thời hạn vay là 10 năm.

- Chi phí khác thực hiện 3,55 tỷ đồng, tăng 146,67% so với kế hoạch, giảm 12,13% (-491 triệu đồng) so với năm 2023.

c. Lợi nhuận trước thuế

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2024: 70,299 tỷ đồng, đạt 108,40% (+5,45 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, tăng 3,25% (+2,21 tỷ đồng) so với năm 2023. Trong đó: Lợi nhuận hoạt động kinh doanh chính thực hiện 58,31 tỷ đồng, đạt 95,92% so với kế hoạch, Lợi nhuận khác thực hiện 11,995 tỷ đồng, tăng 195% so với kế hoạch năm.

d. Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện năm 2024, số thuế TNDN phải nộp là 14,22 tỷ đồng, đạt 109,6% (+1,25 tỷ đồng) so với kế hoạch năm. Trong đó Thuế TNDN hiện hành 13,12 tỷ đồng, thuế TNDN hoãn lại 1,1 tỷ đồng.

e. Lợi nhuận sau thuế

Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2024: 56,083 tỷ đồng, đạt 108,10% (+4,2 tỷ đồng) so với kế hoạch năm 2024, tăng 6,1% (+3,226 tỷ đồng) so với năm 2023.

Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2024:

105.035.500.870 đồng

gồm:

- + Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước: 48.952.513.953 đồng
- + Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: 56.082.986.917 đồng

2. Thẩm định Báo cáo Tài chính

Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Với Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty như sau:

“Báo cáo Tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và Tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.

IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2024

1. Giám sát hoạt động của HĐQT và công tác điều hành của Ban Giám đốc

Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò quản lý, giám sát toàn diện các mặt hoạt động của Công ty, đưa ra định hướng đúng đắn, giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giúp Công ty phát triển bền vững, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tổ chức Đại hội đồng Cổ đông đúng theo quy định; đã tổ chức các phiên họp để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên, vì lợi ích của Cổ đông và sự phát triển của Công ty. Hội đồng Quản trị đã ban hành 08 nghị quyết có các nội dung gồm: Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2023 đã kiểm toán, Báo cáo Tài chính lũy kế 9 tháng đầu năm 2024; Báo cáo hoạt động của Bộ phận Kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm 2024; chủ trương thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, công tác đầu tư, vay vốn đầu tư, công tác quản lý và điều hành Công ty; ký kết các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV năm 2024... theo định hướng vừa thực thi các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, vừa nhằm củng cố và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đối với công tác điều hành của Ban Giám đốc, trên cơ sở các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, đã được Ban Giám đốc triển khai thực hiện chủ động sáng tạo, linh hoạt, đã phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ: Hoạt động kinh doanh ổn định, an toàn; Thực hiện chấp hành nghiêm chỉnh chính sách quy định của Nhà nước trong việc điều hành hoạt động kinh doanh và công bố thông tin.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2024.

2. Sự phối hợp hoạt động của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát luôn giữ mối quan hệ làm việc thường xuyên với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong giám sát các hoạt động kinh doanh để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng quy định pháp luật và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm soát có sự độc lập trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Các thành viên đều có năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Các ý kiến đóng góp của Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đánh giá cao về chất lượng cũng như tính kịp thời.

Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ.

V. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Với kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2024, đó là kết quả của Hội đồng Quản trị trong việc chỉ đạo, của Ban Giám đốc trong việc điều hành, cùng với Tập thể CB.CNLD Công ty đã luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu, khắc phục khó khăn để đảm bảo cung cấp nước sạch, an toàn, liên tục góp phần đảm bảo an sinh xã hội của Thành phố; xây dựng và thực hiện nhiều giải pháp đột phá, đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chất lượng phục vụ khách hàng ngày càng được nâng cao; quản lý sử dụng bảo toàn vốn và hoạt động kinh doanh có lãi; hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

Bước sang năm 2025, nhằm phát huy những giá trị đã đạt được, kính đề nghị Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục phát huy sức mạnh, đoàn kết, chủ động, sáng tạo, nỗ lực hiện thực hóa để hoàn thành các mục tiêu được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua tại Đại hội hôm nay.

Nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Công ty; luôn đảm bảo lành mạnh về tài chính, Ban Kiểm soát đưa ra một số kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc Công ty trong công tác quản lý, điều hành Công ty bao gồm các nhóm giải pháp như sau:

1. Đẩy mạnh cải cách hành chính

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành; Không ngừng phát triển nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng ngày một tốt hơn; Bên cạnh đó cần tăng cường đảm bảo hoàn thiện cơ sở pháp lý, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin dữ liệu.
- Thường xuyên tăng cường kiểm tra, rà soát xây dựng, điều chỉnh và thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các quy định, quy trình trong hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, liên thông nhằm thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động

- Tiếp tục triển khai thực hiện kiểm soát giảm tỷ lệ thất thoát nước có hiệu quả, bền vững;
- Tăng cường quản lý công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ; Quản lý sử dụng vốn hiệu quả, thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.

- Nâng cao hơn nữa hoạt động Hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phòng ngừa, phát hiện xử lý những hạn chế, rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh; trong việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính của Công ty.
- Thường xuyên tăng cường kiểm soát trong hạch toán kế toán, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế theo đúng quy định pháp luật hiện hành có liên quan.
- Kiểm soát Quản trị dòng tiền nhằm đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, liên tục.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025

Căn cứ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát lập kế hoạch hoạt động trong năm 2025 như sau:

- Thường xuyên giám sát việc chấp hành tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị, các cuộc họp quan trọng của Công ty để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, thẩm định các Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của; Báo cáo Tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Thực hiện chương trình kiểm tra theo chuyên đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh của Công ty và đột xuất theo yêu cầu của Cổ đông (nếu có).
- Tham gia tập huấn, cập nhật thường xuyên nghiệp vụ chuyên môn và chính sách pháp luật có liên quan để phục vụ tốt công tác.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025. Ban Kiểm soát trân trọng báo cáo kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Thay mặt cho Ban Kiểm soát Công ty, Tôi xin trân trọng cảm ơn đến các Quý vị Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã tin tưởng, ủng hộ và hỗ trợ cho Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024.

Với tinh thần đoàn kết, nỗ lực và quyết tâm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV, Tôi tin tưởng Công ty sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Công ty phát triển ngày càng bền vững.

Kính chúc Quý vị Cổ đông, Quý vị Đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt. Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

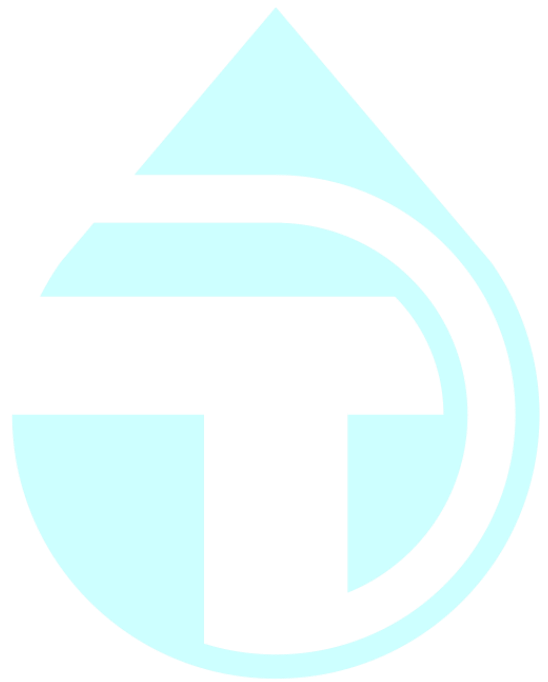
Nơi nhận:

- Như trên ;
- HĐQT, Ban GD;
- Lưu : BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

**THUDUC
WATER**



B. ĐỀ XUẤT DANH SÁCH CÁC CÔNG TY KIỂM TOÁN ĐỀ THỰC HIỆN KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2025

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Quyết định số 1265/QĐ-BTC ngày 19/11/2024 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025;
- Thư chào giá của 03 Công ty kiểm toán;
- Biên bản họp số 01/BB-BKS của Ban Kiểm soát ngày 19/03/2025 về nội dung đề xuất danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ Công ty về quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức đề xuất Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty như sau:

1) Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán

- Là đơn vị kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2025.
- Là đơn vị có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có nhiều kinh nghiệm.
- Không xung đột lợi ích khi thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính của Công ty.
- Có mức phí dịch vụ phù hợp.

2) Nội dung kiểm toán gồm

- Soát xét Báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2025.
- Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2025.

3) Danh sách các đơn vị kiểm toán gồm

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ;
- Lưu: VT.BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

PHẦN V**TỜ TRÌNH CÁC NỘI DUNG THUỘC THẨM QUYỀN
QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức kính trình và xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán và Kế hoạch phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức**a) Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.**

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ% TH/KH
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.316.656	1.333.815	101,30
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	64.853	70.299	108,40
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	51.883	56.083	108,10
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq} (Theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,9	42,05	108,10

b) Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Phân phối lợi nhuận chưa phân phối năm 2021 trở về trước	
1	Chia cổ tức: 0,72%/ vốn điều lệ	614.741.924
II	Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2024 gồm:	
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	56.082.986.917
2	Chia cổ tức	
2.1	Chia cổ tức đợt 1: tỷ lệ 14,00%/ vốn điều lệ	11.900.000.000
2.2	Chia cổ tức đợt 2: tỷ lệ 10,45% vốn điều lệ	8.881.810.842
3	Trích lập các quỹ	

Sтт	Nội dung	Số tiền (đồng)
3.1	Đầu tư phát triển	16.824.896.075
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi	18.000.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	476.280.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	-
5	LN chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	48.337.772.029
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	48.337.772.029

c) Chi trả cổ tức

Trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức theo quy định.

2. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, Ban KS năm 2024

Sтт	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Quỹ tiền lương thực hiện của NQL năm 2024	tr. đồng	3.810,24
2	Thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2024	tr. đồng	696,00

3. Kế hoạch SXKD, Kế hoạch tài chính, Quỹ tiền lương của Người quản lý, Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025

a) Chỉ tiêu kế hoạch

Sтт	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	114.500.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.368.275
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,20
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.379.925
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	72.507
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	58.006
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq	%	23,07
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,67
5	Cổ tức	%	12,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
C	Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, Ban KS		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	3.326,40
2	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trong đó:	tr. đồng	696,00
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	đ/người/tháng	8.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	đ/người/tháng	6.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 được tạm tính theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

- b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch tại điểm a khoản 3 Điều này theo tình hình thực tế tại đơn vị, trong đó bao gồm việc điều chỉnh Quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025 theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và báo cáo kết quả thực hiện trong phiên họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

4. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

- a) Ban kiểm soát đề xuất danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 tại Công ty gồm:
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt.
 - Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC).
- b) Trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

5. Thông qua việc ký kết Hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên

5.1. Hợp đồng giao dịch năm 2024

Stt	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Mua bán sỉ nước sạch năm 2024 (đơn giá 6.884,26 đồng/m ³)	847.289.049.393
2	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)	9.373.318.450
3	Truyền thông; Đào tạo	287.977.376
	Cộng	856.950.345.219

5.2. Hợp đồng giao dịch năm 2025

Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung sau:

- a) Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và Hợp đồng thuê tài sản năm 2025 với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.
- b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.
- c) Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.
- d) Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

6. Tạm ứng cổ tức năm 2025

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2025 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

**THUDUC
WATER**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tống Đăng Khoa

PHẦN VI | MIỄN NHIỆM, BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2022 - 2027

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

I. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT)

Ngày 06/9/2024, Hội đồng quản trị nhận được đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của Ông Nguyễn Anh Tuấn, Hội đồng quản trị đã triệu tập phiên họp ngày 10/09/2024 và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp nhận việc miễn nhiệm thành viên HDQT tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Ngày 24/3/2025, Hội đồng quản trị nhận được đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch HDQT của ông Nguyễn Tổng Đăng Khoa.

Ngày 04/4/2025, Hội đồng quản trị nhận được đơn từ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị của ông Lê Trọng Thuần.

Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp nhận việc miễn nhiệm thành viên HDQT như sau:

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đối với:
 - Ông: Nguyễn Anh Tuấn.
 - Thời gian: Từ ngày 01/09/2024.
 - Lý do: Theo đơn từ nhiệm.
2. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đối với:
 - Ông: Nguyễn Tổng Đăng Khoa.
 - Thời gian: 17/04/2025, sau khi Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.
 - Lý do: Theo đơn từ nhiệm.
3. Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, đối với:
 - Ông: Lê Trọng Thuần.
 - Thời gian: 17/04/2025, sau khi Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.
 - Lý do: Theo đơn từ nhiệm.

II. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Quy định tại Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020; và Điều 26 Điều lệ Công ty quy định về cơ cấu Hội đồng quản trị, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định, có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

Căn cứ quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 về miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.

Để thực hiện quy định về quản trị công ty, tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức sẽ tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế các thành viên miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2022 – 2027, với nội dung sau:

1. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 – 2027

- Bầu bổ sung thành viên HĐQT thay thế thành viên miễn nhiệm: 03 thành viên.
- Bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập: 02 thành viên.
- Nhiệm kỳ: theo thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị /thành viên Hội đồng quản trị độc lập và phương thức bầu cử thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu năm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 3 Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị đính kèm.

Công ty nhận được Văn bản số 04/2025/REEWATER ngày 03/03/2025 của Công ty TNHH Nước sạch REE về việc thay thế đại diện tham gia Hội Đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức, nội dung cụ thể như sau:

- Giới thiệu Ông **PHẠM THÀNH TRUNG**. Chức vụ: Quản lý phát triển kinh doanh ứng cử chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức, nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Công ty nhận được Văn bản số 58/TCT-HĐTV ngày 18/03/2025 và Văn bản số 100/TCT-HĐTV ngày 04/04/2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên về việc thay thế đại diện tham gia Hội Đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức, nội dung cụ thể như sau:

- Giới thiệu Bà **VŨ PHƯƠNG THẢO**. Chức vụ: Ủy viên Ban thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty ứng cử chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, nhiệm kỳ 2022 - 2027.

- Giới thiệu Ông **HỒ THANH CƯỜNG**. Chức vụ: Giám đốc Kế hoạch đầu tư Tổng Công ty ứng cử chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức, nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Thực hiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông danh sách ứng cử viên thay thế thành viên miễn nhiệm để đại hội thông qua và tiến hành bầu theo quy định (tính đến thời điểm phát hành tài liệu).

❖ Danh sách ứng cử viên được đề cử tính đến thời điểm phát hành tài liệu:

- Ông: Phạm Thành Trung.
- Bà: Vũ Phương Thảo.
- Ông: Hồ Thanh Cường.

4. Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022 - 2027, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị đính kèm.

Giấy đề cử ứng cử gửi về trụ sở của Công ty trước 16 giờ 30 phút ngày 11/4/2025 (Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thới, TP. Thủ Đức, TP. HCM. Điện thoại: 19001012, Email: cntd@Capnuocthuduc.vn).

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ỨNG CỬ VIÊN 01

4. Họ và tên: **PHẠM THÀNH TRUNG**
5. Giới tính: **Nam**
6. Ngày tháng năm sinh: **26/07/1983**
7. Địa chỉ thường trú: **F10 C/c Trung Đông, 30, Trịnh Đình Hào, Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, TP. HCM.**
8. Trình độ chuyên môn: **Đại học (Kỹ sư kỹ thuật môi trường)**
9. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)
2006 - 2010	Nhân viên giám sát, đấu thầu, thi công, Công ty TNHH Công trình CTN và Hạ tầng Đô thị MAT
2010 - 2019	Trưởng phòng thi công, đấu thầu; Công ty TNHH Công trình CTN và Hạ tầng Đô thị MAT
2019 - 2020	Trưởng nhóm; Công ty cổ phần đầu tư TNG Holdings Việt Nam
2021 - 09/2022	Chuyên viên, Công ty TNHH Nước Sạch REE
09/2022 đến nay	Quản lý Phát triển Kinh doanh, Công ty TNHH Nước Sạch REE

10. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác:
- Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định,
 - Thành viên HĐQT Công ty CP BOO Nước Thủ Đức.
11. Họ và tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: Công ty TNHH Nước sạch REE.
12. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện nắm giữ: 0 cổ phần chiếm, 0% vốn Điều lệ.

THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ỨNG CỬ VIÊN 02

1. Họ và tên: **VŨ PHƯƠNG THẢO**
2. Giới tính: **Nữ**
3. Ngày tháng năm sinh: **06/02/1971**
4. Địa chỉ thường trú: **Số 3A Vườn Chuối, Phường 4, Quận 3, TP. HCM.**
5. Trình độ chuyên môn: **Cử nhân kinh tế**
6. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)
09/1992 - 12/1999	Nhân viên Ban Kế hoạch Kỹ thuật - XN Thi công Cấp nước
01/2000 - 05/2002	Nhân viên Ban Kế hoạch Kỹ thuật - Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân
06/2002 - 02/2003	Nhân viên Đội Thu tiền - Chi nhánh CN Phú Hòa Tân
03/2003 - 03/2005	Đội phó Đội Thu tiền - Chi nhánh CN Phú Hòa Tân
04/2005 - 01/2007	Đội trưởng Đội Thu tiền Chi nhánh CN Phú Hòa Tân
02/2007 - 03/2012	Đội trưởng Đội Thu tiền CTCP CN Phú Hòa Tân
04/2012 - 04/2013	Phó Giám đốc Kinh doanh, CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân
04/2013 - 03/2016	Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân
04/2016 - 12/2020	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty; Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP CN Phú Hòa Tân
01/2021 đến nay	Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty; Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Cấp nước Gia Định; Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Cấp nước Trung An.

7. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định.
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Trung An.
 - Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn.
8. Họ và tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: **Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một Thành viên.**
9. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện nắm giữ: **1.083.750 cổ phần chiếm, 12,75 % vốn Điều lệ.**

THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN ỨNG CỬ VIÊN 03

1. Họ và tên: **HỒ THANH CƯỜNG**
2. Giới tính: **Nam**
3. Ngày tháng năm sinh: **16/7/1968**
4. Địa chỉ thường trú: **61/4 Ấp Đông Lâm, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn, TP.HCM**
5. Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ - Kỹ thuật Cấp thoát nước**
6. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)
10/1988 – 05/1994	Công nhân Xí nghiệp Sản xuất Thiếc trực thuộc Liên hiệp Xí nghiệp Trục vớt cứu hộ (VISAL).
05/1994 – 08/1994	Xí nghiệp giải thể, nghỉ việc ở nhà.
08/1994 – 10/1999	Chuyên viên Phòng Kinh tế trực thuộc UBND Quận Bình Thạnh.
10/1999 – 12/2006	Nhân viên Phòng Hợp tác Kinh tế Tổng hợp (Nay là Phòng Kế hoạch Đầu tư) – Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
12/2006 – 03/2011	Phó Ban Kế hoạch Kỹ thuật, Chủ tịch Công đoàn cơ sở Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch.
03/2011 – 30/4/2021	Trưởng Phòng Kế hoạch; Phó Giám đốc Công ty CP. Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn.
12/4/2021 đến nay	Trưởng Phòng; Giám đốc Kế hoạch Đầu tư Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV. Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định

7. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác:
 - Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định.
 - Giám đốc Kế hoạch đầu tư Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV.
8. Họ và tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên: **Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một Thành viên.**
9. Số cổ phần được uỷ quyền đại diện nắm giữ: **1.083.750 cổ phần chiếm, 12,75 % vốn Điều lệ.**

QUY CHẾ

BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được tiến hành theo những quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt ngày [14/03/2025](#).

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị được quy định như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây.

Ngoài tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

Điều 3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Quy định tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.
- b) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hồ sơ ứng cử, đề cử Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

1. Hồ sơ ứng cử

- Đơn xin đề cử, ứng cử (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu, có dán ảnh).
- Bản sao có công chứng CCCD/Hộ chiếu, các văn bằng, chứng chỉ.
- Các giấy tờ có liên quan khác (nếu có).

2. Danh sách ứng cử

- a) Danh sách ứng viên được sắp xếp theo thứ tự A, B, C theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

b) Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty www.thuducwater.vn để cổ đông có thể tìm hiểu trước khi bỏ phiếu.

Điều 5. Phương thức bầu cử

a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b) Trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ.

Điều 6. Nguyên tắc trúng cử

a) Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

b) Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 7. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

a) Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ phiếu biểu quyết cho từng ứng viên, danh sách trúng cử;

b) Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được Chủ tọa công bố trước Đại hội.

Điều 8. Khiếu nại và xử lý khiếu nại

a) Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa đại hội giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội.

b) Quy chế này gồm 8 Điều và có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- BDH;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

PHẦN VII | DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /NQ-CNTĐ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngày 17 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

Một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ % TH/KH
1	Nước cung cấp (qua ĐHN)	1000 m ³	110.200	110.596	100,36
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.305.650	1.311.975	100,48
3	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00
4	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	12,50	10,14	Giảm 2,36%

2. Báo cáo công tác quản trị năm 2024 của Hội đồng quản trị và định hướng hoạt động năm 2025.

3. Báo cáo hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát và định hướng hoạt động năm 2025.

4. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY, các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ% TH/KH
1	Tổng Doanh thu	tr. đồng	1.316.656	1.333.815	101,73
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	64.853	70.299	108,40
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	51.883	56.083	108,10
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq}	%	21,20	23,63	111,50
4.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH _{bq} (Theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,90	42,05	108,10

5. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025

a) Phân phối lợi nhuận

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
I	Phân phối lợi nhuận còn lại từ năm 2021 trở về trước	
1	Chia cổ tức: 0,72%/ vốn điều lệ	614.741.924
II	Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2024	
1	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	56.082.986.917
2	Chia cổ tức	
2.1	Chia cổ tức đợt 1: Tỷ lệ 14,00%/ vốn điều lệ	11.900.000.000
2.2	Chia cổ tức đợt 2: Tỷ lệ 10,45%/ vốn điều lệ	8.881.810.842
3	Trích lập các quỹ	
3.1	Đầu tư phát triển	16.824.896.075
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi	18.000.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	476.280.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	-
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	48.337.772.029
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối	48.337.772.029

b) Chi trả cổ tức

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định thời điểm chi trả cổ tức và thực hiện chi trả theo quy định.

6. Quỹ tiền lương thực hiện của Người quản lý; Thù lao HĐQT, BKS năm 2024

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Quỹ tiền lương thực hiện của NQL năm 2024	tr. đồng	3.810,24
2	Thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2024	tr. đồng	696,00

7. Kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kế hoạch tài chính; Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025.

a) Chi tiêu kế hoạch năm 2025

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2025
A	Sản xuất kinh doanh		
1	Nước tiêu thụ (qua ĐHN)	m ³	114.500.000
2	Doanh thu tiền nước (qua ĐHN)	tr. đồng	1.368.275
3	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00
4	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,20
B	Tài chính		
1	Tổng doanh thu	tr. đồng	1.379.925
2	Lợi nhuận trước thuế	tr. đồng	72.507
3	Lợi nhuận sau thuế	tr. đồng	58.006
4	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq	%	23,07
4.1	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bq (theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC)	%	38,67
5	Cổ tức	%	12,00
C	Quỹ tiền lương Người quản lý; Thù lao HĐQT, Ban KS		
1	Quỹ tiền lương Người quản lý	tr. đồng	3.326,40
2	Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	tr. đồng	696,00
	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	trđ/người/tháng	8.000.000
	Thành viên BKS (không chuyên trách)	trđ/người/tháng	6.000.000
	Mức thù lao trên không bao gồm tiền lương, thu nhập của các chức vụ kiêm nhiệm tại công ty.		

Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 được tạm tính theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH.

b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định điều chỉnh các chi tiêu kế hoạch tại điểm a khoản 7 Điều này theo tình hình thực tế tại đơn vị, trong đó bao gồm việc điều chỉnh Quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2025 theo Nghị định số 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 và báo cáo kết quả thực hiện trong phiên họp Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

8. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025

a) Thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 tại Công ty gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC).
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC).

- b) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị kiểm toán theo danh sách nêu trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 tại Công ty.

9. Ký kết Hợp đồng giao dịch với Người có liên quan

Thông qua các giao dịch với Người có liên quan là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên (cổ đông sở hữu 51% cổ phần tại Công ty) như sau:

9.1. Hợp đồng giao dịch năm 2024

Stt	Nội dung hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Mua bán sỉ nước sạch năm 2024 (đơn giá 6.884,26 đồng/m ³)	847.289.049.393
2	Thuê tài sản hoạt động (mạng lưới cấp nước)	9.373.318.450
3	Truyền thông; Đào tạo	287.977.376
	Cộng	856.950.345.219

9.2. Hợp đồng giao dịch năm 2025

- Thông qua dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và Hợp đồng thuê tài sản năm 2025 với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2026 cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.
- Giám đốc công ty ký Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị về đơn giá mua bán sỉ.
- Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện trên trong phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tiếp theo.

10. Tạm ứng cổ tức năm 2025

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tạm ứng cổ tức năm 2025 tùy vào tình hình sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

Điều 2. Thông qua nội dung miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022 – 2027

1. Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với cá nhân có tên dưới đây:

- Ông/bà: Thời gian: Từ ngày .../.../... Lý do:
- Ông/bà: Thời gian: Từ ngày .../.../... Lý do:
- Ông/bà: Thời gian: Từ ngày .../.../... Lý do:

2. Bầu bổ sung thành viên HĐQT (thành viên độc lập) nhiệm kỳ 2022 – 2027

- Danh sách trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027, gồm:

- Ông/bà:
- Ông/bà:
- Ông/bà:

b) Danh sách trúng cử làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022-2027, gồm:

- Ông/bà:
- Ông/bà:

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.
2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Cổ đông chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBCKNN;
- SGDCK TP.HCM;
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa

**THUDUC
WATER**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - NHIỆM KỲ 2022-2027

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Tên cổ đông:
 CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:
 Cấp ngày: tại
 Địa chỉ thường trú :
 Số cổ phần sở hữu cho đến thời điểm hiện tại là: cổ phần, chiếm%
 tổng số 8.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết mà Quý Công ty phát hành.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, tôi xin tự ứng cử là thành viên HĐQT (**chức danh thành viên độc lập**) của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào Hội đồng quản trị (thành viên độc lập) theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tôi cam kết về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cổ đông ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ đính kèm bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (mẫu).
2. Bản sao CCCD/Hộ chiếu có công chứng.
3. Bản sao bằng chứng nhận trình độ chuyên môn có công chứng.
4. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác để cử).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC - NHIỆM KỲ 2022-2027

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

Tên cổ đông:
 CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:
 Cấp ngày: tại
 Địa chỉ thường trú :
 Số cổ phần sở hữu cho đến thời điểm hiện tại là: cổ phần, chiếm%
 tổng số 8.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết mà Quý Công ty phát hành.
 Đồng ý đề cử các cá nhân có tên dưới đây làm thành viên Hội đồng quản trị (thành viên
 độc lập) trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Stt	Họ và tên	CCCD/HC/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Vị trí đề cử

Tôi xin cam đoan các ứng viên được đề cử có đủ điều kiện để ứng cử làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty và Quy chế bầu Thành viên Hội đồng quản trị.

Tôi hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc đề cử này.

Cổ đông đề cử

(Ký và ghi rõ họ tên- đóng dấu nếu là pháp nhân)

Các hồ sơ đính kèm bao gồm:

1. Sơ yếu lý lịch có dán ảnh (mẫu).
2. Bản sao CCCD/Hộ chiếu có công chứng.
3. Bản sao bằng chứng nhận trình độ chuyên môn có công chứng.
4. Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).

Ảnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. CCCD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại:
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (Đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội)

13. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác

Stt	Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị	Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức danh quản lý khác

14. Tổng số cổ phần nắm giữ:

Trong đó:

Cổ phần đại diện:

Cá nhân sở hữu:

15. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Công ty:

(Người có liên quan gồm: Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó)

Stt	Họ tên	Mối liên hệ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %

16. Những khoản nợ đối với Công ty:

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:

18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát

Tp.HCM, ngày tháng năm 2025

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

THUDUC
WATER

DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH NĂM 2025
VỚI NGƯỜI NỘI BỘ/NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

THUDUC
WATER



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HD-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2025 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông : **Nguyễn Thanh Sử**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: **Số 8531/GUQ-TCT-KDDVKH** ngày **24 tháng 12 năm 2024** của Ông **Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.**

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC (Bên mua)

Trụ sở chính : Số 08 Khổng Tử, Phường Bình Thới, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 960 240

Fax: (84.8) 38 960 241

Tài khoản số : 102010000498746 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN 14 Tp. Hồ Chí Minh

Mã số thuế : 0304803601

Do Ông : **Nguyễn Công Minh**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch **từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025** theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.

1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh

đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.

- 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **8.000.000 m³** (tám triệu mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:

- 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước

mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

- 3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.
- 3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.
- 3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

- 4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.884,26 đồng/m³**.
- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:
- 5.1.1 Ngày 01 (một) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán số tiền là 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng cho Bên A.

- 5.1.2 Ngày 05 (năm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.3 Ngày 10 (mười) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.4 Ngày 15 (mười lăm) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán tiếp số tiền là 15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng cho Bên A.
- 5.1.5 Ngày 20 (hai mươi) của tháng liền kề sau ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này, Bên B thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
- 5.1.6 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2, 5.1.3, 5.1.4, 5.1.5 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
- Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
- 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.
- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.

6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:

6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.

6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.

6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.

7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.

7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.

7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.

7.2 Trách nhiệm của Bên B:

7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách, ... trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

- 8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:
- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
 - Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
 - Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
 - Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn

nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.

- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

- 9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước **từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025**.
- 9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.

10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.

10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1

**Danh sách đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng
được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng
của Bên B xác định**

1. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet)

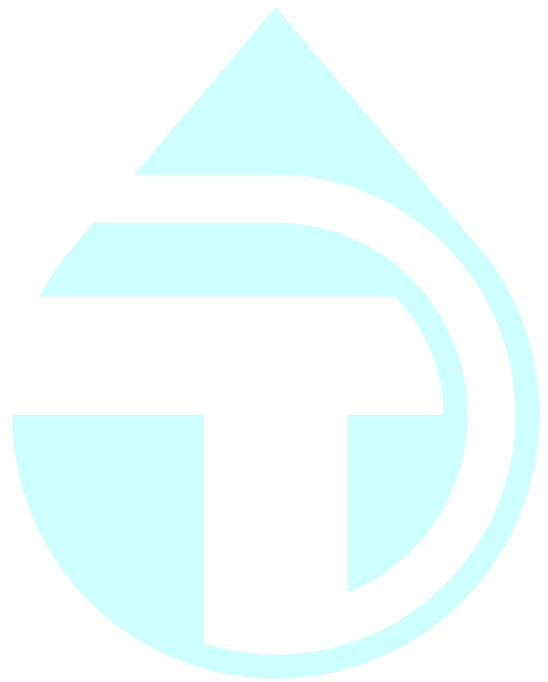
STT	Mã vị trí	Vị trí
1	td1001	Tran Nao
2	td1004	Khu vuc nha may nuoc Binh An
3	td1005	Khu vuc Binh Thang
4	td1006	Khu vuc Gian Dan
5	td1007	Khu vuc Dai hoc Quoc Gia
6	td1008	Khu vuc Xa lo Dai Han
7	td1010	Khuon vien NMN
8	td1011	Nguyen van Ba
9	td1012	Khu vuc Nga tu Binh Thai
10	td1014	RMK
11	td1016	C/x An Binh
12	td1017	Riverside
13	td1018	Khu vuc An Dien - An Phu
14	td1020	Lien tinh lo 25B
15	td1025	Vo Van Ngan
16	td1026	Nguyen Xien
17	td1027	Cau Binh Phuoc (TD)
18	td1028	Thap cat ap Thu Duc
19	td1029	Xa lo Ha Noi (doi dien NMN BOO)
20	td1030	Truyen tai dien 4
21	td1032	Nga ba Tan Van (moi lap)
22	td1041	Luong Dinh Cua – Tinh lo 25B
23	td1043	Do Xuan Hop
24	td1044	Nga ba cat lai
25	td1047	Quoc lo 13 - Kha Van Can (Tram xang dau Forimex)
26	td1048	Le Van Viet (2)
27	td1049	Linh Dong - duong 28

28	td1051	7 Dang Van Bi – Nguyen Van Ba
29	td1052	Vo Van Ngan – Le Van Chi
30	td1053	Chan cau Sai Gon
31	td1054	Cay xang Dong Hoa, 132 Xa lo Ha Noi, Di An Binh Duong

2. Đồng hồ tổng tách mạng

STT	Mã vị trí	Vị trí
32	td2019	Cau Binh Trieu

THUDUC
WATER



PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế

MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
<i>Thông số vi sinh vật</i>				
1.	Coliform	CFU/100 mL	<3	Tháng
2.	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	Tháng
3.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
4.	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>				
5.	Arsenic (As) (*)	mg/L	≤ 0.01	06 tháng
6.	Clo dư tự do	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Tháng
7.	Độ đục	NTU	≤ 2	Tháng
8.	Màu sắc	TCU	≤ 15	Tháng
9.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Tháng
10.	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Tháng
11.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
12.	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02	06 tháng
13.	Bari (Bs)	mg/L	≤ 0,7	06 tháng
14.	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
15.	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,003	06 tháng
16.	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
17.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	≤ 2	06 tháng
18.	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	06 tháng
19.	Chromi (Cr)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
20.	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	≤ 1	06 tháng
21.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	≤ 300	06 tháng
22.	Fluor (F)	mg/L	≤ 1,5	06 tháng
23.	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	≤ 2	06 tháng
24.	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 0,1	06 tháng
25.	Natri (Na)	mg/L	≤ 200	06 tháng
26.	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	≤ 0.2	06 tháng
27.	Nickel (Ni)	mg/L	≤ 0,07	06 tháng
28.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 2	06 tháng
29.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
30.	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
31.	Seleni (Se)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
32.	Sunphat	mg/L	≤ 250	06 tháng
33.	Sunfua	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
34.	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	≤ 0,001	06 tháng
35.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1000	06 tháng
36.	Xyanua (CN)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
Thông số hữu cơ				
a. Nhóm Alkan clo hóa				06 tháng
37.	1,1,1 -Tricloroetan	µg/L	≤ 2000	
38.	1,2 - Dicloroetan	µg/L	≤ 30	
39.	1,2 - Dicloroeten	µg/L	≤ 50	
40.	Cacbonetetraclo rua	µg/L	≤ 2	
41.	Diclorometan	µg/L	≤ 20	
42.	Tetracloroeten	µg/L	≤ 40	
43.	Tricloroeten	µg/L	≤ 20	
44.	Vinyl clorua	µg/L	≤ 0,3	
b. Hydrocacbua thơm				06 tháng
45.	Benzen	µg/L	≤ 10	
46.	Etylbenzen	µg/L	≤ 300	
47.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	≤ 1	
48.	Styren	µg/L	≤ 20	
49.	Toluen	µg/L	≤ 700	
50.	Xylen	µg/L	≤ 500	
c. Nhóm Benzen Clo hóa				06 tháng
51.	1,2 - Diclorobenzen	µg/L	≤ 1000	
52.	Monoclorobenzen	µg/L	≤ 300	
53.	Triclorobenzen	µg/L	≤ 20	
d. Nhóm chất hữu cơ phức tạp				06 tháng
54.	Acrylamide	µg/L	≤ 0,5	
55.	Epiclohydrin	µg/L	≤ 0,4	
56.	Hexacloro butadien	µg/L	≤ 0,6	
Thông số hóa chất bảo vệ thực vật				
57.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/L	≤ 1	06 tháng
58.	1,2 - Dicloropropan	µg/L	≤ 40	
59.	1,3 - Dichloropropen	µg/L	≤ 20	
60.	2,4-D	µg/L	≤ 30	
61.	2,4 - DB	µg/L	≤ 90	
62.	Alachlor	µg/L	≤ 20	
63.	Aldicarb	µg/L	≤ 10	
64.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	≤ 100	
65.	Carbofuran	µg/L	≤ 5	
66.	Chlorpyrifos	µg/L	≤ 30	
67.	Clodane	µg/L	≤ 0,2	
68.	Clorotoluron	µg/L	≤ 30	

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
69.	Cyanazine	µg/L	≤ 0,6	06 tháng
70.	DDT và các dẫn xuất	µg/L	≤ 1	
71.	Dichloprop	µg/L	≤ 100	
72.	Fenoprop	µg/L	≤ 9	
73.	Hydroxyatrazine	µg/L	≤ 200	
74.	Isoproturon	µg/L	≤ 9	
75.	MCPA	µg/L	≤ 2	
76.	Mecoprop	µg/L	≤ 10	
77.	Methoxychlor	µg/L	≤ 20	
78.	Molinate (**)	µg/L	≤ 6	
79.	Pendimetalin	µg/L	≤ 20	
80.	Permethrin Mg/t	µg/L	≤ 20	
81.	Propanil Uq/L	µg/L	≤ 20	
82.	Simazine	µg/L	≤ 2	
83.	Trifuralin	µg/L	≤ 20	
Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ				
84.	2,4,6 - Triclorophenol	µg/L	≤ 200	06 tháng
85.	Bromat	µg/L	≤ 10	
86.	Bromodichloromethane	µg/L	≤ 60	
87.	Bromoform	µg/L	≤ 100	
88.	Chloroform	µg/L	≤ 300	
89.	Dibromoacetoneitrile	µg/L	≤ 70	
90.	Dibromochloromethane	µg/L	≤ 100	
91.	Dichloroacetoneitrile	µg/L	≤ 20	
92.	Dichloroacetic acid	µg/L	≤ 50	
93.	Formaldehyde	µg/L	≤ 900	
94.	Monochloramine	µg/L	≤ 3,0	
95.	Monochloroacetic acid	µg/L	≤ 20	
96.	Trichloroacetic acid	µg/L	≤ 200	
97.	Trichloroaxetonitril	µg/L	≤ 1	
Thông số nhiễm xạ				
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	≤ 0,1	06 tháng
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	≤ 1,0	

Chú thích:

- Dấu (*) theo QCVN 01-1:2018/BYT quy định giám sát hàng tháng đối với đơn vị khai thác nước ngầm nhưng không quy định đối với nước mặt do đó đối với nước trên mạng lưới giám sát 06 tháng;

- Dấu (**) áp dụng theo giới hạn cho phép của QCVN 01:2009/BYT do QCVN 01-1:2018/BYT đề cập nhưng lại không quy định giới hạn cho phép.

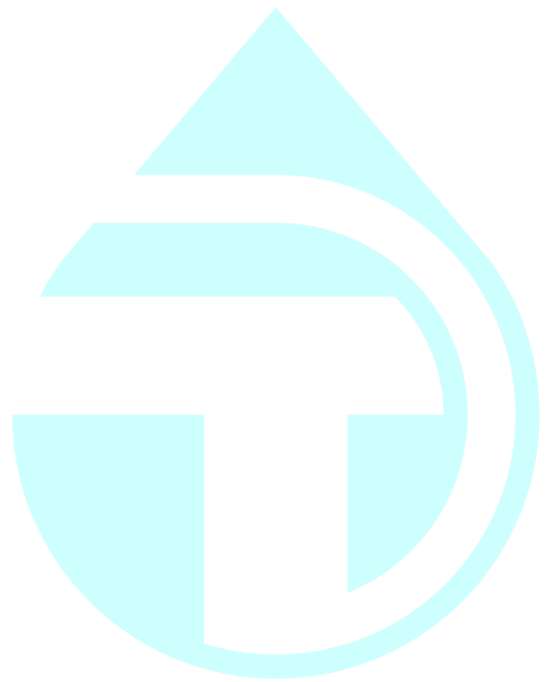
MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:

1. Coliform

5. Màu sắc

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| 2. E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt | 6. Mùi, vị |
| 3. Clo dư tự do | 7. pH |
| 4. Độ đục | |

THUDUC
WATER



PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN THỦ ĐỨC KỲ .../...

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/BB-TDNS-QLĐHT Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước
chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn: (A3.1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn: (A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					

...					
-----	--	--	--	--	--

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

ii. BÊN B

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

ii. BÊN B

- a.

- b.
c.

c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)

i. BÊN A

- a.
b.
c.

Ý kiến đề nghị:

.....
.....

ii. BÊN B

- a.
b.
c.

IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(A3)	Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài sản Bên A nêu tại PL2: (A3.1 + A3.2)		(m ³)
(A3.1)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(A3.2)	Lượng nước qua các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn		(m ³)
(B)	Lượng nước giảm trừ		(m ³)
(B1)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(B2)	Lượng nước giảm trừ của ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(B3)	Lượng nước giảm trừ của các ĐH khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch:		(m ³)
(S _{PL1})	Lượng nước thanh toán qua các ĐHT nêu tại PL1: (A1) + (A2) – (A3.1) – (B1) – (B2)		(m³)

(S _{PL2})	Lượng nước thanh toán qua các ĐH khách hàng nêu tại PL2: (A3.1) + (A3.2) – (B3)		(m ³)
	TỔNG CỘNG: (S_{PL1}) + (S_{PL2})		(m ³)

Bên B**Công ty CPCN****Ban GNKDT****Bên A****TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN****Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch****Đội QLĐHT****Giám đốc****Giám đốc****Tổng Giám đốc**

THUDUC
WATER



PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỲ ... NĂM ...

Kính gửi: **Công ty Cổ phần Cấp nước**

- Căn cứ hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua sỉ vào ngày __ tháng __ năm __

Trân trọng.

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên.
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

PHỤ LỤC 5:

QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ, NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

i. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1.** Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2.** Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3.** Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1.** Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đầu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2.** Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

ii. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).

- 2.2.1.** Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).
- 2.2.2.** Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

- 2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2
- 2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.
- 2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thông nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường **so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ**. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.
- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

- Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

iii. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1. Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2. Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3. Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4. Lượng nước mua bán sử dụng trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5. Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2. Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3. Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ TÀI SẢN HOẠT ĐỘNG

Số: /HĐ-TCT-KTTC

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005,

Hôm nay, ngày tháng năm 2025, tại Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên cho thuê): TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 01 Công trường Quốc tế, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (28) 38227422

– Fax: (28) 38242063

Mã số thuế: 0301129367

Tài khoản số: 6220431101100091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn.

Đại diện: Ông Trần Quang Minh

– Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B (Bên thuê): CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Địa chỉ: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (28) 3896 0240

– Fax: (28) 3722 0896

Mã số thuế: 0304803601

Tài khoản số: 110000008508 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn.

Đại diện: Ông Nguyễn Công Minh

– Chức vụ: Giám đốc

Hai bên đồng ý thực hiện việc thuê tài sản hoạt động với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Đối tượng hợp đồng

Bên A cho thuê và Bên B đồng ý thuê tài sản để cung cấp nước sạch trên địa bàn Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (theo Bảng kê tài sản cho thuê hoạt động năm 2025 đính kèm).

Điều 2. Thời hạn thuê tài sản

Bên A cho Bên B thuê tài sản hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng:

Giá thuê tài sản trong thời gian 01 (một) năm (chưa bao gồm thuế GTGT) là **9.373.318.450 đồng** (Số tiền bằng chữ: *Chín tỷ, ba trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm mười tám nghìn, bốn trăm năm mươi đồng*).

Thuế GTGT được áp dụng theo quy định hiện hành của pháp luật thuế tại thời điểm xuất hoá đơn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, đối với các tài sản có sử dụng nguồn vốn vay để hình thành nên tài sản cố định, trường hợp có tăng, giảm chi phí lãi vay thì hai bên sẽ thực hiện điều chỉnh lại giá thuê tài sản hoạt động trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của hai bên và được thể hiện thông qua việc ký phụ lục hợp đồng trong năm 2025.

2. Phương thức thanh toán:

Bên B thanh toán tiền thuê tài sản mỗi quý cho Bên A trong vòng 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày Bên A xuất hóa đơn giá trị gia tăng đã bao gồm thuế GTGT theo quy định.

3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4. Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của hai bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Có trách nhiệm nhận lại tài sản cho thuê khi hết hạn Hợp đồng trong trường hợp Bên B không tiếp tục gia hạn hợp đồng.
- Bên A có quyền đơn phương hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên B có các hành vi sau đây:
 - + Không trả tiền thuê trong một quý.
 - + Sử dụng tài sản không đúng công dụng và mục đích của tài sản.
 - + Làm mất mát hoặc hư hỏng tài sản thuê.
 - + Cho người khác thuê lại tài sản mà không có sự đồng ý của Bên A.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Có trách nhiệm bảo quản và không được thay đổi tình trạng của tài sản thuê.
- Bảo đảm sử dụng tài sản thuê đúng công dụng và mục đích của tài sản thuê.
- Trong quá trình sử dụng, nếu Bên B làm hư hỏng hoặc thay đổi tình trạng của tài sản thuê thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa hoặc thay thế tài sản bị hư hỏng.
- Trả đủ tiền thuê tài sản theo phương thức đã thỏa thuận, Bên B sẽ chịu lãi suất vay ngân hàng 0,05%/ngày cho số ngày trả chậm.
- Bên B có quyền đơn phương hủy hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên A chậm giao tài sản theo thỏa thuận gây thiệt hại cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản thi hành

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Bên nào vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm theo đúng quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề trở ngại hoặc tranh chấp thì hai bên chủ động thương lượng giải quyết trên tinh thần hòa giải, đôi bên cùng có lợi. Nếu cần thì lập Phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung hợp đồng. Trường hợp có tranh chấp không tự thỏa thuận được, vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo luật định. Bên thua kiện sẽ chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc tranh chấp.
- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và được xem như thanh lý khi các bên hoàn tất các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 06 (sáu) bản. Mỗi bên giữ 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

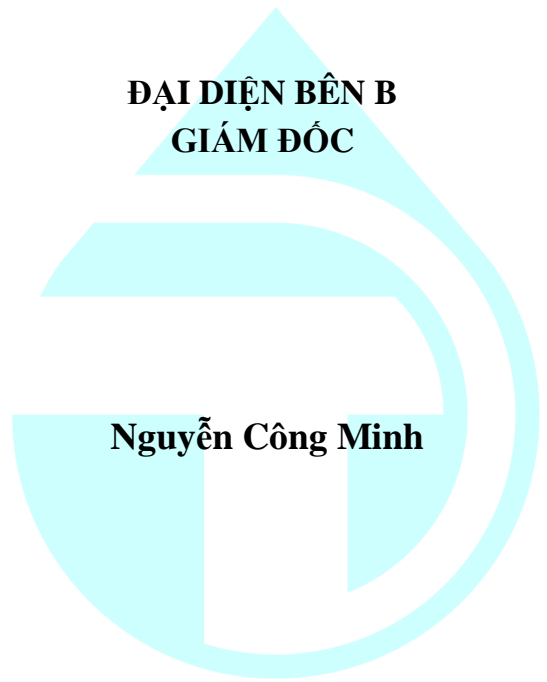
**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Trần Quang Minh

Nguyễn Công Minh

**THUĐUC
WATER**



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI SẢN CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

(Đính kèm Hợp đồng số: **/HD-TCT-KTTC** ngày tháng năm 2025)

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá thuê
1	LĐTO CN Khu dân cư và tái định cư Nam Rạch Chiếc	1.080.526.932	108.052.693
2	LĐTO đường Tô Ngọc Vân (Chợ Thủ Đức - Nguyễn Đình Nghi)	6.188.234.908	618.823.491
3	PTMLCN các hẻm phường Trường Thạnh, Long Bình, Long Phước, Quận 9	6.865.800.217	755.513.176
4	PTMLCN đường Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức (Lắp đặt ống bên lề trái hướng từ TP.HCM đi Bình Dương)	4.204.317.650	463.597.402
5	PTMLCN phường Tam Bình, phường Tam Phú, Quận Thủ Đức	8.232.196.469	905.351.020
6	PTMLCN đường Bình Chiểu và các hẻm phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	9.322.250.681	1.023.013.754
7	PTMLCN các hẻm phường Linh Xuân, Quận Thủ Đức	5.345.359.776	587.414.184
8	PTMLCN đường Ngô Chí Quốc, P.Bình Chiểu, Q.Thủ Đức (Lắp đặt ống bên lề phải hướng từ TP.HCM đi Bình Dương)	2.322.483.068	255.710.032
9	PTMLCN phường Long Trường, Quận 9	7.681.120.603	822.631.242
10	PTMLCN phường Long Thạnh Mỹ, Tân Phú, Quận 9	6.080.119.680	668.620.246
11	PTMLCN phường Phú Hữu, Tăng Nhơn Phú A, Tăng Nhơn Phú B, Hiệp Phú, Quận 9	5.891.272.187	648.072.258
12	PTMLCN các hẻm đường Ngô Chí Quốc, phường Bình Chiểu, Quận Thủ Đức	4.815.334.524	529.156.170
13	PTMLCN phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức	3.665.445.110	403.301.341

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá thuê
14	LĐTO cấp 2 Tỉnh lộ 43 – giai đoạn 3 (kênh Ba Bò - KCX Linh Trung 2), Q.Thủ Đức	88.434.243	8.843.424
15	PTMLCN Khu dân cư Thạnh Mỹ Lợi, Q.2	4.685.014.589	468.501.459
16	PTMLCN Đại Lộ Đông Tây	1.329.987.981	132.998.798
17	PTMLCN dọc Đại Lộ Đông Tây Quận 2	9.737.177.601	973.717.760
Cộng:			9.373.318.450

**ĐẠI DIỆN BÊN A
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Quang Minh

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Công Minh

**THUDUC
WATER**




TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 4 năm 2025


**DANH SÁCH VÀ LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ỨNG CỬ VIÊN ĐƯỢC ĐỀ CỬ THAM GIA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC NHIỆM KỲ 2022 – 2027**


Căn cứ Thông báo số 15/TB-CNTĐ-HĐQT ngày 26/3/2025 về việc mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 kèm tài liệu Đại hội;

Căn cứ thư ứng, đề cử của Cổ đông.

Tính đến ngày 11/04/2024 (theo thời gian ghi tại Thông báo số 15/TB-CNTĐ-HĐQT ngày 26/3/2025), Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức nhận được thư đề cử, ứng cử tham gia Hội đồng quản trị (thay thế các thành viên miễn nhiệm) như sau:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cổ đông đề cử	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	
1	 PHẠM THÀNH TRUNG	1983	Công ty TNHH Nước sạch REE	Kỹ sư kỹ thuật môi trường	2006 – 2010	Nhân viên giám sát, đấu thầu, thi công Công ty TNHH Công trình CTN và Hạ tầng Đô thị MAT.
					2010 – 2019	Trưởng phòng thi công, đấu thầu; Công ty TNHH Công trình CTN và Hạ tầng Đô thị MAT.
					2019 – 2020	Trưởng nhóm; Công ty cổ phần đầu tư TNG Holdings Việt Nam.
					2021 - 09/2022	Chuyên viên, Công ty TNHH Nước Sạch REE
					09/2022 đến nay	Quản lý Phát triển Kinh doanh, Công ty TNHH Nước Sạch REE
					▪ Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác:	

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cổ đông đề cử	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
					<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định, - Thành viên HĐQT Công ty CP BOO Nước Thủ Đức. ▪ Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty: Không.
2	 <p>VŨ PHƯƠNG THẢO</p>	1971	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	Cử nhân kinh tế	<p>09/1992 - 12/1999 Nhân viên Ban Kế hoạch Kỹ thuật - XN Thi công Cấp nước</p> <p>01/2000 - 05/2002 Nhân viên Ban Kế hoạch Kỹ thuật - Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân</p> <p>06/2002 - 02/2003 Nhân viên Đội Thu tiền - Chi nhánh CN Phú Hòa Tân</p> <p>03/2003 - 03/2005 Đội phó Đội Thu tiền - Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân</p> <p>04/2005 - 01/2007 Đội trưởng Đội Thu tiền Chi nhánh Cấp nước Phú Hòa Tân</p> <p>02/2007 - 03/2012 Đội trưởng Đội Thu tiền CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân</p> <p>04/2012 - 04/2013 Phó Giám đốc Kinh doanh, CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân</p> <p>04/2013 - 03/2016 Chủ tịch Hội đồng Quản trị CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân</p> <p>04/2016 - 12/2020 Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Tổng công ty; Thành viên Hội đồng Quản trị CTCP CN Phú Hòa Tân</p> <p>01/2021 đến nay Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty; Thành viên Hội đồng Quản trị</p>

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cổ đông đề cử	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
					CTCP Cấp nước Gia Định; thành viên Hội đồng Quản trị CTCP Cấp nước Trung An.
					<ul style="list-style-type: none"> Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác: <ul style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định. Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Trung An. Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty. Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty: Không. Người đại diện vốn của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức
3	 <p>HỒ THANH CƯỜNG</p>	1968	Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên	Thạc sỹ - kỹ thuật cấp thoát nước	<p>10/1988 - 05/1994 Công nhân Xí nghiệp Sản xuất Thiếc trực thuộc Liên hiệp Xí nghiệp Trục vớt cứu hộ (VISAL).</p> <p>05/1994 -08/1994 Xí nghiệp giải thể, nghỉ việc ở nhà.</p> <p>08/1994 -10/1999 Chuyên viên Phòng Kinh tế trực thuộc UBND Quận Bình Thạnh.</p> <p>10/1999 -12/2006 Nhân viên Phòng Hợp tác Kinh tế Tổng hợp (Nay là Phòng Kế hoạch Đầu tư) – Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.</p> <p>12/2006- 03/2011 Phó Ban Kế hoạch Kỹ thuật, Chủ tịch Công đoàn cơ sở Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch.</p> <p>03/2011- 30/4/2021 Trưởng Phòng Kế hoạch; Phó Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh nước sạch Sài Gòn.</p>

STT	Họ và tên	Năm sinh	Cổ đông đề cử	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
					<p>12/4/2021 đến nay</p> <p>Trưởng Phòng; Giám đốc Kế hoạch Đầu tư Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp Nước Gia Định</p> <ul style="list-style-type: none"> Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp Nước Gia Định. Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty: Không. Người đại diện vốn của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên tại Công ty CP Cấp Nước Thủ Đức

Sau khi xem xét lý lịch của các ứng cử viên, Hội đồng quản trị xác nhận các ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông Danh sách ứng cử viên để tiến hành bầu chọn vào HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- SGDCK;
- HĐQT; BKS;
- BGĐ; KTNB;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tổng Đăng Khoa